

Số: /BC-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2021

Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP, ngày 12/3/2020 của Chính phủ, về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị, về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp báo cáo kết quả thực hiện đến năm 2021 như sau:

I. BỐI CẢNH CHUNG

Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng và Bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp diễn ra thành công, tạo khí thế và động lực triển khai nhiệm vụ giai đoạn mới (2021 - 2025). Trong không khí chung, Đồng Tháp đã tập trung triển khai xây dựng và ban hành các Chương trình, Nghị quyết, Kết luận, Kế hoạch chuyên đề cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI. Các ngành các cấp ra sức quyết liệt triển khai nhiệm vụ theo mục tiêu kép **“vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phát triển kinh tế - xã hội”** trong năm 2021, trong đó các nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị được tập trung thực hiện.

Trong bối cảnh cả nước ra sức khôi phục kinh tế sau suy thoái do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 năm 2020, Đồng Tháp đã gặp được nhiều thuận lợi trong 6 tháng đầu năm 2021, tình hình kinh tế - xã hội cả nước nói chung và Đồng Tháp nói riêng gặt hái được nhiều thành công khá toàn diện. Tỉnh duy trì kiểm soát tốt dịch COVID-19 trên địa bàn, nhất là khu vực biên giới, giúp cho doanh nghiệp và người dân mạnh dạng đầu tư, sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy kinh tế khôi phục mạnh mẽ sau ảnh hưởng của đại dịch bùng phát trong năm 2020, tạo nhiều tác động tích cực thúc đẩy hoạt động văn hóa, xã hội phát triển.

Tuy nhiên, đợt dịch thứ 4 bùng phát và diễn biến phức tạp tại các khu vực kinh tế trọng điểm và toàn bộ các tỉnh/thành phố phía Nam, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh. Đợt dịch thứ tư bùng phát với biến chủng Delta có tốc độ lây nhiễm quá nhanh, quá nguy hiểm đã gây tử vong cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội. Tình huống cấp bách này buộc Tỉnh phải lựa chọn ưu tiên hàng đầu là bảo vệ an toàn sức khỏe, tính mạng người dân. Với phương châm **“Cao hơn một mức và nhanh hơn một bước”**, cùng sự vào

cuộc quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, đặc biệt là sự đồng hành của doanh nghiệp, sự đồng thuận của nhân dân, tỉnh đã cơ bản kiểm soát dịch bệnh. Thực hiện mục tiêu kép **“vừa phòng chống dịch vừa phát triển kinh tế - xã hội”** đạt được nhiều kết quả quan trọng, bảo vệ và giảm thiểu thấp nhất tác động của dịch Covid-19 đến sức khỏe và tính mạng người dân, đảm bảo an sinh xã hội, nhanh chóng tái mở cửa kinh tế ngay khi dịch Covid-19 được kiểm soát.

Ngoài ra, xu hướng bảo hộ thương mại của các nước lớn diễn ra gay gắt ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế chung của cả nước nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng; sự bùng nổ phát triển nhanh của chuyển đổi số; biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt, sạt lở, giông lốc, dịch bệnh trên vật nuôi diễn ra ở nhiều nơi, tình trạng sạt lở bờ sông tăng lên; các vấn đề về an ninh phi truyền thống, xuyên quốc gia ngày càng phức tạp và tinh vi...

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG ƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN VÀ CÁC CHÍNH SÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ PHÁT HUY CÁC NGUỒN LỰC CỦA NỀN KINH TẾ TRONG THỜI GIAN QUA

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, Ủy ban nhân dân Tỉnh tiếp tục chỉ đạo các ngành, các cấp rà soát kết quả thực hiện năm 2020 và tập trung triển khai các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch số 276/KH-UBND, ngày 23/11/2020 về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Các Sở, ban, ngành Tỉnh và UBND huyện, thành phố đã quán triệt, chỉ đạo đến cán bộ, công chức để tổ chức thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình theo hướng kết hợp hài hòa với triển khai chính sách, giải pháp phát triển ngành, lĩnh vực.

Theo đó, các chính sách thúc đẩy kinh tế được tập trung thực hiện và triển khai toàn diện, trong đó có những giải pháp đột phá, thúc đẩy những ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế phát triển khá mạnh (*các ngành hàng chủ lực trong nông nghiệp, công nghiệp chế biến theo chuỗi giá trị, xuất khẩu hàng hóa...*). Các ngành, lĩnh vực được tập trung tái cơ cấu thích ứng với xu thế mới trong sản xuất, đầu tư, kinh doanh và thị trường. Các quy định, thủ tục về quản lý đất đai, đầu tư công thuộc thẩm quyền của địa phương được rà soát thường xuyên để sửa đổi, bổ sung, bảo đảm phù hợp với quy định mới của Trung ương và điều kiện thực tế của địa phương; kiến nghị Trung ương sửa đổi những vấn đề còn bất cập, chưa hợp lý. Qua đó, góp phần thúc đẩy yếu tố thị trường và các loại thị trường từng bước phát triển đồng bộ, nhiều rào cản tham gia thị trường được dỡ bỏ; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện rõ rệt⁽¹⁾, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển doanh nghiệp khá sôi

⁽¹⁾ Năm 2020 là năm thứ 14 liên tiếp, tỉnh Đồng Tháp nằm trong Nhóm 5 và năm thứ 08 liên tiếp nằm trong Nhóm 3 của các tỉnh, thành phố **“có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc nhất”**

động. Doanh nghiệp nhà nước từng bước được sắp xếp, tổ chức lại có hiệu quả hơn; kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định là một động lực quan trọng của kinh tế tỉnh; kinh tế tập thể từng bước đổi mới theo cơ chế thị trường; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển khá, là một bộ phận quan trọng kết nối với thị trường nước ngoài. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt mức tăng trưởng vừa phải trong 05 năm (2016 - 2020), bình quân 5,48%/năm, năm 2021 ước đạt 2,22%. Tỉnh đã bảo đảm thực hiện tốt “*nhiệm vụ kép*” vừa phòng, chống dịch COVID-19, bảo vệ sức khoẻ Nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể như sau:

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ HẠN CHẾ TỒN TẠI

1. Nguồn lực con người

1.1. Về dân số

a) Kết quả đạt được

Năm 2021 dân số trung bình của Tỉnh ước là 1.601.275 người, tăng 1.261 người so năm 2020 (*trong đó, nữ 801 nghìn người, chiếm 50% dân số*), mật độ dân số trung bình 487 người/km; dân số thành thị khoảng 324 nghìn người chiếm 20% dân số toàn tỉnh. Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh duy trì tỷ lệ tương đối ổn định 99,8 số bé trai/100 bé gái; tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ 93,8%, ổn định từ năm 2019 đến nay; tình trạng trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi 11,3 số trẻ tử vong/1000 trẻ sống, tăng 0,44 số trẻ tử vong/1000 trẻ sống so năm 2020; Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi 16,9 số trẻ tử vong/1000 trẻ sống, tăng 0,7 số trẻ tử vong/1000 trẻ sống so năm 2020. Tuổi thọ trung bình 74,7 không đổi so năm 2020.

b) Hạn chế và nguyên nhân:

Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi có xu hướng tăng trong năm, do tình hình dịch bệnh Covid-19 đã gây ảnh hưởng tình hình thăm khám và chữa bệnh nói chung và của trẻ em nói riêng.

1.2. Nguồn lực lao động

a) Kết quả đạt được

- Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh là 913 nghìn người, chiếm 57% dân số toàn tỉnh; số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc năm 2021 là 869 nghìn người, chiếm 54% dân số toàn tỉnh và chiếm 95% tổng số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên; số lao động đang làm theo khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất là 36,5%, thấp nhất là công nghiệp chiếm 27,8%. Công tác giải quyết việc làm năm 2021 được thực hiện tốt, đã tổ chức 30/30 phiên giao dịch việc làm, đạt 100% so với kế hoạch năm; công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đạt được kết quả khả quan cả về số lượng và chất lượng, thị trường lao động đến làm việc có thu nhập cao, việc làm ổn định và ngày càng có nhiều lao động tham gia, trong năm 2021, toàn tỉnh có 1.512 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đạt 100,8% so kế hoạch.

nước”. Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng (SIPAS), Chỉ số hiệu quả Quản trị và hành chính công (PAPI) được cải thiện đáng kể và xếp thứ hạng cao trên bảng xếp hạng.

- Trong thời gian qua, vấn đề đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được lãnh đạo Tỉnh, các ngành, các cấp, địa phương quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện với nhiều chương trình, giải pháp. Tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng yêu cầu cho việc phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo năm 2021 của tỉnh là 14,5%, giảm 0,5% so năm 2020. Năng suất lao động theo giá hiện hành của tỉnh trong năm 2021 đạt 89,7 triệu đồng/lao động, giảm 4,4 triệu đồng so năm 2020; tốc độ tăng năng suất lao động tăng trưởng âm -4,68%. Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động toàn tỉnh tăng từ 2,54% năm 2020 lên 2,79% năm 2021, còn khá cao so với cả nước là 1,37%.

b) Hạn chế và nguyên nhân

Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu thực tế, năng suất, kỷ luật lao động còn thấp; tỷ lệ lao động qua đào tạo và kỹ năng tay nghề chưa cao; cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao.

3. Đội ngũ công chức, viên chức

a) Kết quả đạt được

Ủy ban nhân dân Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 29/1/2021 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021, Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 - 2025. Công tác chọn cử cán bộ, công chức, viên chức để đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và phù hợp với vị trí việc làm; kịp thời sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng góp phần khuyến khích tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ. Trong năm 2021, đã cử 5.709 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng. Trong đó: đào tạo 996 người, bồi dưỡng 4.713 lượt người.

Thường xuyên rà soát lại đội ngũ công chức, viên chức đối chiếu với tiêu chuẩn để bố trí lại cho phù hợp. Quản lý chặt chẽ “đầu vào” của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kiên quyết thực hiện chính sách tinh giản biên chế. Theo đó, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giảm về số lượng, tăng về chất lượng theo ngạch, chức danh, nghề nghiệp, vị trí việc làm và trình độ đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, về cơ cấu theo giới tính. Đến cuối năm 2021 công chức từ cấp huyện trở lên là 2.147 người, giảm 1.076 người so năm 2020, trong đó có 1.758 chuyên viên và tương đương, giảm 720 người; 313 người chuyên viên chính và tương đương, giảm 198 người; 07 người chuyên viên cao cấp và tương đương, giảm 16 người so năm 2020. Số lượng viên chức là 29.035, giảm 723 người so năm 2020, nhưng chất lượng viên chức ngày càng cải thiện, trình độ chuyên môn từ đại học đến tiến sĩ tăng so năm 2020.

Đẩy mạnh quá trình trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng nhân lực. Đến cuối năm

2021, toàn Tỉnh có 904 đơn vị sự nghiệp công lập⁽²⁾, trong đó, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ 100% kinh phí hoạt động là 59/904 đơn vị, chiếm tỷ lệ 6,53%.

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Vẫn còn tình trạng một số cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chưa phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhiệm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa quan tâm đúng mức tại một số cơ quan, đơn vị; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn xem nhẹ việc bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo vị trí việc làm.

- Việc rà soát, điều chỉnh vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ và trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP còn chậm, chưa kịp thời.

- Việc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chủ yếu do sáp nhập tổ chức, bộ máy còn mang tính cơ học, chưa gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý biên chế.

- Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ kinh phí hoạt động còn ít.

4. Nhân lực giáo dục

a) Kết quả đạt được

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng được đầy đủ nhu cầu cho việc quản lý và dạy học ở các cơ sở giáo dục. Cơ cấu đội ngũ cơ bản hợp lý. Số cán bộ quản lý, giáo viên năm 2021 là 18.359 người, giảm 443 người so với năm 2020 nhưng vẫn đảm bảo cơ bản cho công tác giảng dạy, chất lượng ngày càng tăng, cụ thể: Trình độ trung cấp 268 người, giảm 206 người; Trình độ cao đẳng 1904 người, giảm 890 người; Trình độ đại học 15.455 người, tăng 623 người; Sau đại học 732 người, tăng 33 người so năm 2020.

- Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; khuyến khích giáo dục STEM và STEAM trong các cơ sở giáo dục. Tăng cường hợp tác với các trường cao đẳng, đại học phát triển thêm năng lực cho người học⁽³⁾.

² Gồm: 05 đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 54 đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 38 đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 807 đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

³ Phối hợp với các tổ chức khảo thí quốc tế kiểm tra năng lực đầu ra cuối cấp theo các chứng chỉ quốc tế (IELTS, TOEFL và CAMBRIDGE) cho học sinh phổ thông ở những đơn vị có điều kiện thực hiện. Phối hợp Trường Đại học Kỹ thuật Minh Tân (Đài Loan) tổ chức tư vấn, tuyển sinh và du học cho các đơn vị trường THPT, Trung tâm Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh. Mời trợ giảng tiếng Anh Chương trình Fulbright của Đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam để hỗ trợ công tác giảng dạy tiếng Anh ở 02 trường THPT chuyên. Đoàn tình nguyện viên nước ngoài đến Đồng Tháp để thực hiện dự án quảng bá du lịch do AIESEC in FTU HCMC tổ chức tại tỉnh Đồng Tháp (các đơn vị tư vấn du học đã tư vấn và tổ chức cho các em học sinh đi học học tại: Nhật Bản (31 học sinh), Đài Loan: (... học sinh); năm 2021, các đơn vị tư vấn du học đã tư vấn và tổ chức cho các em học sinh đi học học tại: Đài Loan: (... học sinh)).

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Mặc dù số lượng giáo viên được đào tạo của năm 2021 tăng so với năm 2020 nhưng số giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục 2019 còn khá cao (*hơn 2.000 người ở các ngành học, cấp học*). Nguyên nhân, Luật Giáo dục 2019 nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên lên, cụ thể giáo viên mầm non nâng từ trung cấp lên cao đẳng; giáo viên tiểu học nâng từ trung cấp lên đại học và giáo viên trung học cơ sở nâng từ cao đẳng lên đại học nên nhiều giáo viên chưa đạt chuẩn mới theo quy định.

- Số giáo viên có trình độ Thạc sĩ năm 2021 tuy có tăng so với năm 2020 nhưng tỷ lệ còn thấp so với tổng số giáo viên. Do kinh phí đào tạo bằng kinh phí ngân sách giảm nên không khuyến khích giáo viên học lên nữa.

- Việc huy động số học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở vào học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp còn gặp nhiều khó khăn (đá phần các em bỏ học theo gia đình đi làm xa hoặc tham gia lao động tại địa phương mà không tiếp tục học văn hóa hoặc học nghề).

5. Nhân lực y tế

a) Kết quả đạt được

- Đội ngũ cán bộ ngành Y tế đã được tăng cường về số lượng và trình độ chuyên môn. Một số chỉ số về nhân lực y tế đã đạt được ở mức khá cao. Bình quân 54,21 cán bộ y tế/vạn dân; 100% số trạm y tế xã có bác sĩ, nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi, cán bộ phụ trách công tác dược và nhân viên y tế áp hoạt động. Hầu hết các bệnh viện có dược sĩ đại học phụ trách khoa dược, tuy nhiên số lượng dược sĩ đại học chưa đảm bảo để phát triển dược lâm sàng.

- Công tác phát triển nguồn nhân lực từng bước được cải thiện, góp phần củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; chất lượng đội ngũ cán bộ y tế và công tác khám chữa bệnh từng bước được nâng lên. Toàn tỉnh có 1.491 bác sĩ, đạt tỷ lệ 9,31 bác sĩ trên vạn dân (đạt kế hoạch đề ra).

- Công tác đào tạo trình độ đại học theo địa chỉ đạt nhiều kết quả tích cực, 88% số sinh viên sau khi tốt nghiệp trở về làm việc tại các cơ sở y tế trong Tỉnh, qua đó bổ sung thêm nhân lực y tế trẻ, chất lượng (*đặc biệt là bác sĩ*) để kế thừa cán bộ y tế lớn tuổi, sắp nghỉ hưu trong thời gian tới.

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng, số lượng viên chức qua các khoá đào tạo, bồi dưỡng khá nhiều, nhưng nhìn chung một số còn hạn chế kiến thức về quản lý Nhà nước.

- Vẫn còn tình trạng một số bác sĩ tốt nghiệp theo hình thức đặt hàng đào tạo không chấp hành sự phân công, xin nghỉ việc, xin bồi thường để chấm dứt hợp đồng.

- Nguyên nhân khách quan: “*nghề y là một nghề đặc biệt, vì vậy cần được đào tạo và sử dụng một cách đặc biệt*”, thời gian đào tạo dài và số lượng chưa đáp ứng nhu cầu xã hội. Cơ chế chính sách của nhà nước, định biên nhân lực cho

ngành Y tế (theo Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV) chậm thay đổi để phù hợp với tình hình mới.

- Nguyên nhân chủ quan: Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc triển khai thực hiện chủ trương đáp ứng nguồn nhân lực cho ngành Y tế tỉnh có lúc chưa thông suốt. Chưa có cơ chế đủ mạnh để khuyến khích động viên những cán bộ giỏi, có trình độ chuyên môn cao để họ yên tâm công tác lâu dài.

6. Nhân lực công nghệ thông tin

a) Kết quả đạt được

Tất cả các cơ quan nhà nước trên địa bàn Tỉnh đều có cán bộ chuyên trách về Công nghệ thông tin (CNTT). Ngoài ra, còn có đội ngũ chuyên trách và kiêm nhiệm công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp. Chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin, trình độ công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ cấp tỉnh đến huyện được nâng lên. Công tác đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin cũng từng bước được chú trọng; hàng năm, tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ công chức, viên chức chuyên trách ở các cơ quan cấp tỉnh, huyện (năm 2021 chủ yếu qua hình thức trực tuyến). Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ đại học và sau đại học về công nghệ thông tin ngày càng tăng, nguồn nhân lực cũng từng bước được trẻ hóa. Có 100% cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh đều sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ứng dụng trong công việc.

b) Hạn chế và nguyên nhân

Nguồn nhân lực công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh chưa đảm bảo yêu cầu về chất lượng, do ngành công nghiệp công nghệ thông tin chưa phát triển mạnh, chưa thu hút được nhân lực giỏi về công nghệ thông tin vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị của Nhà nước, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa được quan tâm đúng mức. Năm 2021, do dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên việc tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ công chức, doanh nghiệp và người dân trong tỉnh cũng hạn chế.

2. Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

- Tình hình quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực tài nguyên thiên nhiên cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng đi vào thực chất, góp phần tích cực vào việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả. Việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Công tác bảo vệ tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học được quan tâm với nhiều chính sách, ưu tiên cho việc bảo tồn kết hợp phát triển du lịch sinh thái.

- Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục giao đất, cho thuê đất, trong năm 2021, đã phát sinh 55 hồ sơ, (30 hồ sơ giao đất, 08 hồ sơ thuê đất, 10 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, 05 hồ sơ gia hạn sử dụng đất và 02 hồ sơ chuyển hình thức thuê đất). Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc sử dụng tài nguyên đất, bảo vệ môi trường và

tài nguyên nước, qua đó, kịp thời nhắc nhở, xử lý các trường hợp vi phạm⁽⁴⁾.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện truyền thông đại chúng về các quy định pháp luật đất đai hiện hành, những mô hình nông nghiệp sử dụng đất có hiệu quả theo hướng canh tác bền vững; nâng cao ý thức về tầm quan trọng của tài nguyên thiên nhiên đối với đời sống xã hội để người dân sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước, bảo vệ rừng và duy trì đa dạng sinh học.

2.1. Vị trí địa lý

a) Tiềm năng, lợi thế và thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng

- Tỉnh Đồng Tháp có đường biên giới với các tỉnh lân cận và nước bạn Campuchia là 354,62 km; địa giới của Tỉnh nằm trên 2 tiểu vùng của Đồng bằng sông Cửu Long là tiểu vùng Đồng Tháp Mười và tiểu vùng giữa sông Tiền - sông Hậu; có 12 đơn vị hành chính trực thuộc⁽⁵⁾ và có 143 đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn gồm: 117 xã, 17 phường, 09 thị trấn. Phía Bắc giáp Campuchia (có biên giới dài 48,70km); phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Long (dài 52,83km); phía Đông giáp tỉnh Long An (dài 71,74km) và tỉnh Tiền Giang (dài 43,37km); phía Tây giáp tỉnh An Giang (dài 107,82km) và thành phố Cần Thơ (dài 30,16km).

- Đồng Tháp nằm trong vùng ảnh hưởng của địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam, gần với các thành phố lớn, là hậu phương của 02 cực tăng trưởng quan trọng là thành phố Cần Thơ (trung tâm vùng ĐBSCL) và thành phố Hồ Chí Minh (trung tâm cấp Quốc gia, trung tâm vùng trọng điểm miền Nam và Đông Nam Bộ). Đồng Tháp có hệ thống giao thông thủy, bộ phát triển tương đối. Trên địa bàn tỉnh có 04 hệ thống đường Quốc lộ qua địa bàn tỉnh Đồng Tháp, bao gồm: QL30, QL80, QL54 và đường Hồ Chí Minh kết nối Đồng Tháp với các tỉnh miền Đông, miền Tây và Campuchia, đặc biệt nằm địa thế trung tâm kết nối Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ và biên giới Campuchia. Mạng lưới sông rạch phong phú là một thuận lợi cho phát triển giao thông thủy của tỉnh.

- Với vị trí trên, Đồng Tháp có nhiều điều kiện thuận lợi trong quan hệ đối ngoại và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, vùng trọng điểm kinh tế phía Nam và cả nước.

⁴ *Lĩnh vực tài nguyên đất đai*: Năm 2021, ngành Tài nguyên và môi trường tổ chức 03 Đoàn thanh tra về quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn huyện Tháp Mười, Thanh Bình. Kết quả: Ngành Tài nguyên Môi trường đã kiến nghị UBND huyện Tháp Mười, Thanh Bình có biện pháp chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khắc phục các tồn tại, sai sót trong quá trình giúp UBND huyện thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về đất trồng lúa trên địa bàn theo đúng quy định. Ngoài ra, ngành Tài nguyên và Môi trường, còn tổ chức 05 Đoàn thanh tra đột xuất và 02 quyết định thanh tra độc lập đối với 15 tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Kết quả đã xử phạt 06 tổ chức với số tiền 101 triệu đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp lại số tiền hơn 61 triệu đồng. Đến nay, 05 trường hợp vi phạm đã thực hiện nộp phạt xong với tổng số tiền 93.000.000 đồng, còn lại 01 trường hợp chưa thực hiện nộp phạt với tổng số tiền 8.000.000 đồng. *Lĩnh vực bảo vệ môi trường và tài nguyên nước*: ngành Tài nguyên Môi trường đã tổ chức 03 Đoàn thanh tra. Kết quả kiểm tra 40 cơ sở, phát hiện và xử lý 07 trường hợp với tổng số tiền xử phạt là hơn 139 triệu đồng, đến nay, 06 trường hợp vi phạm đã thực hiện nộp phạt xong với tổng số tiền 132.000.000 đồng, còn lại 02 trường hợp chưa thực hiện nộp phạt với tổng số tiền 7.500.000 đồng. Ngoài ra, ngành Tài nguyên và Môi trường còn thành lập 04 Đoàn thanh tra đột xuất đối với 18 tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Kết quả, đã xử phạt 15 tổ chức, cá nhân với tổng số tiền là 111.750.000 đồng. Đến nay, 12 trường hợp vi phạm đã thực hiện nộp phạt xong với tổng số tiền 96.750.000 đồng, còn lại 03 trường hợp chưa thực hiện nộp phạt với tổng số tiền 15.000.000 đồng. Tiến hành xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với 01 tổ chức với số tiền 350.000.000 đồng.

⁵ Gồm: thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự và 09 huyện là: Tân Hồng, Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình, Cao Lãnh, Tháp Mười, Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành.

- Vị trí địa lý của tỉnh Đồng Tháp gắn với yếu tố hình thành tự nhiên là chủ yếu. Có nhiều tiềm năng, lợi thế, nhưng cũng không ít khó khăn. Thời gian qua, mỗi ngành theo chức năng, nhiệm vụ đã khai thác, sử dụng tốt lợi thế vị trí địa lý của tỉnh để phát huy lợi thế, phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

b) Hạn chế và nguyên nhân:

Vị trí lệch khỏi trục Quốc lộ 1A từ thành phố Hồ Chí Minh đi các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long và địa giới bị chia cách bởi sông ngòi. Hệ thống kênh rạch chằng chịt, gây khó khăn trong phát triển đô thị, cản trở kết nối không gian vùng và tồn kém trong việc đầu tư hệ thống giao thông đường bộ, gặp nhiều khó khăn trong phát triển kết cấu hạ tầng khác.

2.2. Tài nguyên đất

a) Thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng đất

- Theo số liệu thống kê đến ngày 31/12/2021, đất nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh là 277 nghìn ha chiếm 81,9% tổng diện tích đất, đất phi nông nghiệp là 61,18 nghìn ha, chiếm 18,1% diện tích đất, nhìn chung tình hình sử dụng đất ổn định; không có đất chưa sử dụng.

- Nhiều loại thủ tục hành chính liên quan đến đất đai được rút ngắn, tạo điều kiện cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài tỉnh đầu tư vào sản xuất nông nghiệp; thường xuyên kiểm tra, rà soát tình hình sử dụng đất đã giao cho các chủ sử dụng nhằm kịp thời phát hiện các sai phạm như sử dụng đất sai mục đích, không đúng quy hoạch làm suy giảm sức sản xuất của đất... Tùy theo từng trường hợp tiến hành phạt hành chính, khôi phục lại tình trạng ban đầu hoặc thu hồi đất.

- Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã giúp cho các tổ chức, cá nhân sử dụng đúng mục đích, tuân thủ pháp luật về đất đai, hạn chế tình trạng manh mún trong sản xuất nông nghiệp. Hiện đã hoàn thành công tác lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cho 12 huyện, thành phố; đang triển khai nhiệm vụ lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) tỉnh Đồng Tháp.

b) Hạn chế và nguyên nhân

Đất nông nghiệp vẫn còn manh mún, quá trình tích tụ ruộng đất diễn ra chậm, hiệu quả sử dụng đất chưa cao; cơ chế quản lý tài chính về đất đai chưa thực sự có hiệu quả, nguồn thu ngân sách từ đất đai chưa tương xứng với tiềm năng đất đai của tỉnh; chưa khai thác triệt để lợi thế của đất đai theo hướng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất để tăng nguồn thu từ đất. Nguyên nhân chủ yếu, việc quản lý và sử dụng đất còn nhiều bất cập, đất đai nói chung và đất nông nghiệp nói riêng được quản lý và sử dụng chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của người dân và phụ thuộc vào thời tiết khí hậu, việc canh tác cây trồng ít quan tâm đến bảo vệ và cải tạo đất đai đã làm cho chất lượng đất ngày càng bị suy giảm nghiêm trọng.

2.3. Tài nguyên khoáng sản

a) Tiềm năng, lợi thế và thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng

Đồng Tháp không có khoáng sản quý. Tuy nhiên, có tiềm năng và lợi thế đối với nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, đặc biệt là cát sông. Đồng Tháp nằm ở thượng nguồn sông Tiền nên lượng cát bồi lắng hàng năm tương đối nhiều, chất lượng cát tốt hơn các tỉnh ở hạ nguồn, đặc biệt cát không bị nhiễm mặn. Hiện Đồng Tháp là tỉnh cung cấp cát sông cho thị trường dùng để san lấp và xây dựng hàng đầu tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

*** *Thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng***

- *Tại tỉnh Đồng Tháp hiện nay có 03 loại khoáng sản: cát, đất sét và than bùn.* Hiện Quy hoạch khoáng sản của tỉnh giai đoạn 2015 - 2020 đã hết chu kỳ, UBND Tỉnh đang tiến hành lập Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Luật Quy hoạch. Ngày 17/8/2021, Hội đồng nhân dân Tỉnh đã ban hành Nghị quyết 48/2021/NQ-HĐND về việc kéo dài thời hạn thực hiện Nghị quyết số 04/2009/NQ-HĐND ngày 08/7/2009 và Nghị quyết số 21/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân Tỉnh cho đến khi Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt theo quy định.

- *Về mỏ đất sét:* Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ sét thuộc ấp K12, xã Phú Hiệp, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp cho Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh. Hiện tại, Công ty đang lập hồ sơ cấp giấy phép khai thác.

Ủy ban nhân dân Tỉnh đã tập trung chỉ đạo và quan tâm sâu sắc đến công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh, nhất là tài nguyên cát sông vì đây là nguồn tài nguyên chủ yếu của Tỉnh. Quá trình khai thác, sử dụng từng bước được chấn chỉnh đi vào nề nếp đúng theo quy định của pháp luật, đã tạo nguồn thu ngân sách cho địa phương, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Qua các đợt thanh tra, kiểm tra của các đoàn liên ngành của cấp tỉnh và cấp huyện, thành phố thì việc vi phạm pháp luật trong hoạt động khoáng sản đến nay đã giảm rõ rệt, tạo chuyển biến tích cực góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong hoạt động khoáng sản ở địa phương. Trên cơ sở kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cũng như công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn của cơ quan quản lý đã thúc đẩy cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động khoáng sản nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản ngày càng được tốt hơn.

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Trong những năm gần đây trữ lượng cát trên sông Tiền và sông Hậu giảm rất nhiều, nhưng thực tế nhu cầu sử dụng cát làm vật liệu san lấp và cát xây dựng ngày càng nhiều, các phương tiện tập trung về thu mua, neo đậu thành nhóm nhỏ làm mất an ninh trật tự, không đảm bảo an toàn giao thông đường thủy. Nguyên nhân chính do phía thượng nguồn sông Mê Công chảy về sông Tiền, sông Hậu có nhiều

đập thủy điện, nên lượng phù sa (trầm tích cát sông) từ thượng nguồn về đã giảm đáng kể các năm gần đây.

- Tình trạng các cá nhân, hộ gia đình sử dụng phương tiện nhỏ lẻ bơm hút cát trái phép dưới 50m³ trong địa bàn tỉnh vẫn còn xảy ra, loại hình này rất khó quản lý cũng như kiểm tra xử lý.

2.4. Tài nguyên nước

a) Tiềm năng, lợi thế và thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng

- Tỉnh Đồng Tháp có nguồn nước mặt và nước dưới đất khá dồi dào. Nguồn tài nguyên nước tại địa phương thuộc khu vực đồng bằng, cả tài nguyên nước mặt và nước dưới đất đều có thể khai thác, sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau. Đặc biệt, nước mặt sông Tiền, sông Hậu và nước dưới đất tại 02 tầng sâu: Pliocen dưới và Miocen trên đều đảm bảo có thể khai thác phục vụ cho sinh hoạt và công nghiệp.

- Đối với nước mặt: Hiện trạng thực tế hiện nay nguồn nước mặt sông Tiền và sông Hậu vẫn còn khá dồi dào, hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu khai thác phục vụ tất cả các mục đích sử dụng nước trên địa bàn; ngoài ra, sông Tiền và sông Hậu còn cung cấp nguồn nước vào các sông, kênh, rạch nội đồng để phục vụ cho các mục đích nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản... Hiện nay và trong thời gian tới, nước mặt tự nhiên là nguồn chính để sử dụng cho tất cả các mục đích trên địa bàn tỉnh.

- Đối với nước dưới đất: Với chủ trương hạn chế khai thác nước dưới đất, ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt dồi dào cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, trong năm 2021 không có cấp phép mới phát sinh công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất, chỉ cấp gia hạn khai thác một vài công trình (do giấy phép hết hạn) chủ yếu là sử dụng nước cho dân sinh, dịch vụ công ích (cấp nước tập trung, khám chữa bệnh). Hoạt động khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh chủ yếu còn lại là các giếng khoan tại các Trạm cấp nước sinh hoạt nông thôn (còn khó khăn trong việc chuyển đổi nguồn nước mặt); các giếng khoan tại các Bệnh viện, Trung tâm Y tế sử dụng nước cho hoạt động khám chữa bệnh.

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Trên địa bàn tỉnh vẫn còn trường hợp chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan trong hoạt động khai thác tài nguyên nước; còn thiếu kinh phí cho công tác trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật cho công tác quản lý.

- Công tác quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực tài nguyên thiên nhiên còn nhiều hạn chế, bất cập, chông chéo khó thực hiện, cụ thể: Hệ thống văn bản pháp luật chưa đầy đủ, vừa ban hành vừa bổ sung, cùng một loại tài nguyên nhưng nhiều ngành quản lý, đan xen⁽⁶⁾.

2.5. Tài nguyên rừng

a) Tiềm năng, lợi thế và thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng

⁶ Điển hình lĩnh vực quản lý tài nguyên nước: Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý nguồn nước, cấp phép khai thác, sử dụng; Sở Nông nghiệp & PTNT quản lý nguồn nước các công trình thủy lợi, các công trình cấp nước sạch nông thôn, Sở Xây dựng quản lý các công trình nước sạch đô thị...

- Diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh là 12.386 ha⁽⁷⁾; phân bố trên địa bàn 04 huyện: Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười, Cao Lãnh. Độ che phủ rừng là 1,69%. Sản phẩm khai thác chính từ rừng là củ tràm. Năm 2021, diện tích rừng khai thác là 77,15 ha, sản phẩm khoảng 617.200 cây củ tràm các loại, diện tích rừng trồng lại sau khai thác là 89,15 ha.

- Toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đều được giao quyền sử dụng cho các tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và bảo vệ theo quy định⁽⁸⁾. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng được lãnh đạo các địa phương, các ngành, các cấp quan tâm chỉ đạo và các chủ rừng triển khai thực hiện kịp thời⁽⁹⁾.

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Rừng phân bố đan xen với đất sản xuất nông nghiệp, khu, cụm dân cư, lộ giao thông; tình trạng xâm nhập trái phép vào rừng săn bắt, khai thác thủy sản vẫn còn diễn ra, chưa có biện pháp ngăn chặn triệt để.

- Ngân sách đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Công trình hạ tầng, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động lâm nghiệp còn thiếu, xuống cấp.

- Chính sách đầu tư phát triển lâm nghiệp thời gian qua chủ yếu dựa vào nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ và một phần vốn của các tổ chức, cá nhân trồng rừng, chưa huy động được nguồn vốn từ bên ngoài, chưa tạo được động lực khuyến khích phát triển nghề từ rừng.

3. Nguồn lực cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội

3.1. Nguồn lực đầu tư

a) Kết quả đạt được

- Năm 2021, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn đạt khoảng 18.126.675 triệu đồng, trong đó có 13.412.908 triệu đồng là vốn của dân cư và tư nhân, chiếm 74,0% nguồn vốn đầu tư phát triển của Tỉnh. Vốn đầu tư phát triển của khu vực dân cư và tư nhân là nguồn vốn quan trọng, được rải đều các quý trong năm đã góp phần phát triển ngành xây dựng.

- Thời gian qua, nguồn vốn đầu tư công của tỉnh ưu tiên đầu tư vào các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, các chương trình, dự án trọng điểm⁽¹⁰⁾, có sức lan tỏa rộng và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, phát triển hài hòa giữa các địa phương trong Tỉnh; vốn phân bổ cho các hoạt động kinh tế

⁷ Diện tích đất có rừng là 6.161,88 ha, trong đó: rừng đặc dụng 2.748,71 ha, rừng phòng hộ 1.034,85 ha, rừng sản xuất 2.324,54 ha, rừng trồng ngoài quy hoạch 53,78, diện tích khác (đất trồng, đồng cỏ, mặt nước) là 6.224,72 ha.

⁸ Cụ thể: Ban Quản lý rừng 7.654,49 ha; tổ chức kinh tế 179,28 ha; hộ gia đình, cá nhân 2.023,83 ha, đơn vị vũ trang 258,97 ha, Ủy ban nhân dân xã 42,61 ha và các tổ chức khác 2.227,42 ha.

⁹ Trong năm, đã xảy ra 02 vụ cháy dưới tán rừng, tổng diện tích cháy là 0,77 ha; các vụ cháy được phát hiện sớm và tổ chức chữa cháy kịp thời theo phương châm bốn tại chỗ, thiệt hại về rừng không đáng kể.

¹⁰ Một số chương trình, dự án trọng điểm được triển khai thực hiện như: dự án Xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn QL30- ĐT.845 với tổng mức đầu tư 2.180 tỷ đồng, dự án Đường ĐT845 đoạn Trường Xuân - Tân Phước với tổng mức đầu tư 992 tỷ đồng; Chương trình đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 với tổng mức đầu tư 3.617 tỷ đồng, trong đó vốn XSKT khoảng với tổng vốn 2.181 tỷ đồng...

như giao thông, nông nghiệp, khu công nghiệp và khu kinh tế, công nghệ thông tin, ... khoảng 53,96%; giáo dục, đào tạo và dạy nghề khoảng 23,29%; y tế khoảng 4,7%;...

- Tổng số kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 (kể cả vốn kéo dài chuyển sang): **4.941,913 tỷ đồng**. Kết quả giải ngân cả năm đạt 76,7%, cao hơn cùng kỳ 1,35% (năm 2020 đạt 75,35%), nhưng thấp hơn 8,3% so với mục tiêu đề ra (kế hoạch phấn đấu đạt 85%)

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Năm 2021 là năm chuyển tiếp giữa hai nhiệm kỳ và kiện toàn tổ chức, bộ máy, nhân sự gắn với đại hội Đảng và bầu cử Quốc hội, HĐND, UBND các cấp; năm đầu tiên của một chu kỳ kế hoạch mới, với ưu tiên đầu tư công tập trung chủ yếu vào công tác chuẩn bị cho giai đoạn 5 năm tới. Trong khi đó, đối với các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025, cần tập trung triển khai công tác chuẩn bị đầu tư những tháng đầu năm và chỉ triển khai thực hiện sau khi được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (*giao vốn trong tháng 10/2021*).

- Dịch bệnh Covid-19 lần thứ 4 bùng phát, với biến thể mới diễn biến phức tạp, nguy hiểm và khó lường dẫn đến Tỉnh phải thực hiện giãn cách xã hội trong thời gian dài (*từ ngày 26/4/2021 đến ngày 01/10/2021; thời gian khoảng 5 tháng*) đã ảnh hưởng sâu rộng tới nhiều lĩnh vực, phải ngưng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng (*đơn cử như: việc cung ứng nguyên vật liệu xây dựng, lưu thông hàng hóa, huy động nhân lực gặp nhiều khó khăn do phải thực hiện giãn cách xã hội...*).

- Một số chính sách Pháp luật thay đổi (*như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng có hiệu lực từ ngày 01/01/2021; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng có hiệu lực từ ngày ký, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng...*), nên các Chủ đầu tư cần có thời gian để cập nhật và quy trình thực hiện đầu tư từ khi được phê duyệt chủ trương đầu tư đến khi ký Hợp đồng thi công hoặc mua sắm thiết bị mất rất nhiều thời gian (*thường khoảng 6 tháng; chưa kể thời gian thực hiện đền bù*) dẫn đến những tháng đầu năm 2021 chưa có khối lượng thực hiện nên chưa giải ngân hoặc phải bố trí vốn nhiều đợt.

- Công tác giải phóng mặt bằng: triển khai còn chậm, thực hiện chưa quyết liệt, do việc tuyên truyền, vận động người dân chấp thuận về chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng chưa đầy đủ, dẫn đến phát sinh khiếu nại, khiếu kiện, kéo dài thời gian, ảnh hưởng lớn đến tiến độ chung của dự án.

- Trách nhiệm cơ quan sử dụng vốn chưa được đề cao, công tác chuẩn bị đầu tư chưa được Chủ đầu tư quan tâm, dẫn đến chất lượng chuẩn bị dự án chưa đạt yêu cầu, phải liên tục điều chỉnh, dẫn đến công tác lập, đăng ký kế hoạch vốn chưa sát với nhu cầu thực tế.

3.2. Hạ tầng giao thông

a) Kết quả đạt được

a.1. Hệ thống giao thông đường bộ

- **Hệ thống quốc lộ:** Được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, hệ thống đường Quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh Đồng Tháp được nâng cấp dần gồm: có 04 hệ thống đường Quốc lộ qua địa bàn tỉnh Đồng Tháp, bao gồm: QL30, QL80, QL54 và đường Hồ Chí Minh (N2 và N2B) với tổng chiều dài 248,58 km cơ bản được đầu tư nâng cấp, mở rộng hoặc xây dựng mới đạt tiêu chuẩn đường cấp II, cấp III và cấp IV đồng bằng; nâng cấp tải trọng các hệ cầu trên tuyến; xây dựng mới cầu Cao Lãnh bắc qua sông Tiền, cầu Vàm Cống bắc qua sông Hậu trên tuyến Quốc lộ N2B; xây dựng bến phà đường bộ Phong Hòa - Ô Môn nối liền Quốc lộ 54 và Quốc lộ 91 kết nối các tuyến giao thông huyết mạch của khu vực đảm bảo năng lực khai thác, đáp ứng được nhu cầu đi lại, vận tải hàng hóa của tỉnh Đồng Tháp và các tỉnh lân cận cũng như nước bạn Campuchia.

Trong năm 2021, hoàn thành nâng cấp xong tuyến Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự với tổng chiều dài 39,25 km.

- **Về hệ thống đường tỉnh:** Toàn tỉnh hiện có 16 tuyến đường tỉnh lộ đang khai thác với tổng chiều dài 361,1 km cơ bản đã được xây dựng, nâng cấp mở rộng, đạt tiêu chuẩn đường cấp III và cấp IV đồng bằng; đầu tư xây dựng bến phà Tân Châu nối tuyến Tỉnh lộ ĐT.841 của tỉnh Đồng Tháp với tuyến đường bộ của tỉnh An Giang; đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, mở rộng, tăng tải trọng các công trình cầu trên các tuyến tỉnh lộ, từ đó nâng cao năng lực khai thác đối với các tuyến đường huyết mạch nhằm kết nối các khu vực kinh tế, sản xuất trọng điểm của tỉnh, tạo thuận lợi cho hàng hóa lưu thông, dịch vụ phục vụ phát triển đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong năm 2021, hoàn thành, xây dựng mới, nâng cấp xong các tuyến tuyến đường tỉnh gồm: tuyến ĐT.852B tránh thành phố Sa Đéc (đường vành đai Tây Bắc), tuyến ĐT.846, đường Sở Tư pháp kết nối đường Tân Việt Hòa, thăm Bê tông nhựa nóng tuyến ĐT.848, thăm Bê tông nhựa nóng tuyến ĐT.841... với tổng chiều dài hơn 90 km.

- **Về hệ thống đường huyện và xã:** Toàn tỉnh hiện có 916,91 km đường huyện và 2.806,4 km đường xã được chú trọng đầu tư, xây dựng, đến nay cơ bản đã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt tiêu chuẩn theo các tiêu chí xét nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; các tuyến giao thông nông thôn, giao thông kết hợp đê bao được đầu tư đồng bộ, kiên cố bằng nhiều nguồn vốn khác nhau như: vốn tài trợ, các tổ chức từ thiện phi Chính phủ, vốn xã hội hóa nhà nước và nhân dân cùng làm... Hệ cầu trên các tuyến đường huyện, đường xã, nhất là đường giao thông nông thôn trước đây chủ yếu là cầu khỉ chỉ phục vụ cho người dân đi bộ, đến nay cũng từng bước được thay thế bằng cầu Bê tông cốt thép, cầu dầm thép hoặc cầu gỗ đảm bảo tải trọng của cầu đồng bộ với tải trọng khai thác của đường, góp phần cho hoạt động vận chuyển hàng hóa, nông sản từ nơi sản xuất đến cơ sở tập kết, chế biến được nhanh chóng, thuận lợi, rút ngắn thời gian, giảm chi phí, nâng cao lợi nhuận.

- **Về hàng hải và đường thủy nội địa:**

Đồng Tháp hiện có 03 Cảng biển hoạt động được công bố theo Quyết định số 3383/QĐ-BGTVT ngày 28/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải⁽¹¹⁾.

- Các tuyến sông, kênh do trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh có tổng chiều dài 417,5 km; các tuyến sông, kênh do tỉnh quản lý có tổng chiều dài 786,47 km; các tuyến kênh do huyện quản lý có tổng chiều dài 1.315 km.

- Về Cảng thủy nội địa, tỉnh hiện có 01 Cảng thủy nội địa Bảo Mai trên tuyến sông Hậu thuộc huyện Lai Vung.

- Về bến thủy nội địa, toàn tỉnh hiện có khoảng 791 bến thủy nội địa, trong đó có 113 bến khách ngang sông, còn lại là các bến xếp dỡ hàng hóa. Đơn vị thực hiện kiểm tra, cấp mới, cấp đổi lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa đảm bảo hoạt động đúng quy định.

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Hiện nay các công trình đường bộ đang khai thác, mặc dù được duy tu, sửa chữa thường xuyên, nhưng tình trạng hư hỏng, xuống cấp vẫn xảy ra do điều kiện tự nhiên là vùng trũng thấp, nền đất yếu làm ảnh hưởng đến chất lượng khai thác, năng lực phục vụ, thời gian lưu chuyển hàng hóa. Trên các tuyến Quốc lộ và Tỉnh lộ còn một số cầu có tải trọng thấp, chưa đồng bộ làm khó khăn trong lưu thông, ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư.

- Do hệ thống sông, kênh, rạch chằng chịt, các tuyến giao thông huyết mạch còn bị chia cắt nhiều, chưa có đủ hệ thống cầu, việc đi lại, lưu thông hàng hóa còn phụ thuộc nhiều vào năng lực phục vụ của các bến phà đường bộ, bến khách ngang sông.

- Hệ thống giao thông đường thủy nội địa tuy nhiều, kết nối với nhau thông suốt, tuy nhiên năng lực phục vụ vận tải hàng hóa đường thủy chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển hiện nay và trong những năm tiếp theo.

3.3. Hạ tầng thủy lợi

a) Kết quả đạt được

Theo Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Toàn tỉnh hiện có 833 công kênh rạch theo phân cấp và nhiều kênh rạch nội đồng¹²; trạm bơm điện là 1.220 trạm với diện tích phục vụ 185.256 ha, đạt 76% diện tích đất canh tác vụ Đông Xuân 2020; có 2.616 công trình cống tưới, tiêu; ngoài ra còn 5.445 km kênh mương nội đồng. Tuy nhiên, việc vận hành các cống, trạm bơm điện chủ yếu bằng thủ công và chưa đồng bộ hóa. Toàn tỉnh hiện có 1.319 ô bao bảo vệ sản xuất nông nghiệp, với tổng

¹¹. Cảng Tân Cảng Sa Đéc là cảng loại II, có tổng diện tích đất 6,0 (ha), nằm trên sông Tiền, thuộc thành phố Sa Đéc, cảng bố trí 01 cầu bến với tổng chiều dài 90,0 mét (01 bến phao), có khả năng tiếp nhận Tàu có trọng tải 5.000 tấn, công suất khai thác 0,45 – 0,6 triệu tấn/năm. Cảng Tân Cảng Cao Lãnh là cảng loại II, có tổng diện tích chiếm đất 2,72 (ha), nằm trên sông Tiền, thuộc thành phố Cao Lãnh, cảng bố trí 01 cầu bến với tổng chiều dài 67,5 mét (01 bến phao), có khả năng tiếp nhận Tàu có trọng tải 3.000 tấn, công suất khai thác 0,35 – 0,45 triệu tấn/năm. Khu bến Vĩnh Xương – Thường Phước là cảng loại II, nằm trên sông Tiền, thuộc xã Thường Phước, huyện Hồng Ngự (hiện tại khu bến này chỉ bố trí 02 phao nổi, phục vụ cho các tàu biển neo đậu làm thủ tục).

¹² Trong đó: Kênh cấp II là 231 km; Kênh cấp III là 828 km; Kênh cấp IV là 3.015 km.

diện tích được bảo vệ 244.850 ha, tổng chiều dài bờ bao 8.105 km và 01 đê bao bảo vệ dân cư Thị trấn Sa Rài với chiều dài 7,77 km.

b) Hạn chế và nguyên nhân.

- Hiện nay tỉnh Đồng Tháp chưa thành lập đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi nên chưa tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước với hoạt động khai thác, kinh doanh. Vì vậy công tác quản lý khai thác, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi chưa được thực hiện theo quy định của Luật Thủy lợi.

- Đối với các Doanh nghiệp tư nhân, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, cá nhân làm dịch vụ bơm tưới, tiêu phục vụ sản xuất trên địa bàn Tỉnh đa số còn hạn chế về tiềm lực kinh tế, chuyên môn, thiếu cán bộ có bằng cấp chuyên ngành nên việc thành lập Tổ chức thủy lợi cơ sở theo Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn còn gặp nhiều khó khăn và chưa được hỗ trợ theo Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ.

3.4. Hạ tầng cung cấp điện

a) Kết quả đạt được

- Ngành điện đã tích cực phối hợp với địa phương đầu tư nhiều công trình điện để đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện trong mùa khô; đảm bảo cung cấp điện an toàn cho các ngày lễ lớn và các sự kiện quan trọng của tỉnh.

- Năm 2021, ngành điện đã đầu tư nhiều công trình góp phần hoàn thiện hạ tầng cung cấp điện cho Tỉnh⁽¹³⁾. Hiện trên địa bàn tỉnh hiện có 80 km đường dây và 02 trạm biến áp 220kV với tổng dung lượng là 750MVA; 265 km đường dây và 11 trạm biến áp 110kV với tổng dung lượng là 938MVA; 3.808 km đường dây trung thế; 5.355 km đường dây hạ thế; 11.631 trạm biến áp phân phối là 1.858 MVA đảm bảo nguồn điện cung ứng kịp thời cho sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt cho người dân với sản lượng điện thương phẩm năm 2021 đạt 2.517 triệu kWh, ước năm 2022 đạt 2.640 triệu kWh.

Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện toàn tỉnh đến năm 2021 đạt 99,99% và xóa được 55 điện kế cụm, cấp điện trực tiếp cho 8.407 hộ dân. Lũy kế đã xóa được 888 điện kế cụm để ngành điện cấp điện trực tiếp cho 44.397 hộ dân.

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Công suất phụ tải, sản lượng điện thương phẩm, tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm và điện thương phẩm bình quân đầu người đạt thấp so với quy hoạch. Nguyên nhân, do tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp đạt thấp so với dự báo,

¹³ **Đối với lưới điện cao thế:** thực hiện 01 công trình sửa chữa lưới điện 110kV (Xử lý sự cố cáp ngầm 110kV Hồng Ngự - Phú Châu) với tổng số vốn là 10 tỷ 638 triệu đồng; Lắp máy biến áp T2-40MVA tại trạm biến áp 110kV Sông Hậu và Nha Môn với tổng mức đầu tư là 66 tỷ đồng. **Đối với lưới điện trung, hạ thế:** Đầu tư cải tạo và phát triển lưới điện trung, hạ thế với tổng giá trị 159,887 tỷ đồng, trong đó: vốn ngành điện là 149 tỷ đồng, vốn địa phương 10,887 tỷ đồng.

mặt khác do công tác tuyên truyền tiết kiệm điện được thực hiện tốt, có nhiều doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh và hộ gia đình đã đầu tư lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời nên thành phần điện phục vụ công nghiệp và tiêu dùng dân cư tăng trưởng chậm.

- Tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng một số công trình lưới điện 110 – 220kV còn chậm và khối lượng đầu tư xây dựng đường dây trung, hạ thế chưa đạt yêu cầu so với quy hoạch. Nguyên nhân, nguồn vốn đầu tư của ngành điện thiếu, chưa đáp ứng kịp, mặt khác do công tác đền bù, giải phóng mặt bằng chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng các công trình.

3.5. Hạ tầng cung cấp nước sạch

a) Kết quả đạt được

Tổng số trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh (tính đến tháng 12/2021) là 374 trạm cấp nước (TCN) (giảm 39 TCN so với năm 2020), bao gồm 71 TCN mặt (tăng 09 TCN mặt so với năm 2020) và 303 TCN ngầm (giảm 48 TCN ngầm so với năm 2020). Đến cuối năm 2021, tỷ lệ hộ dân cư toàn tỉnh sử dụng nước sạch đạt gần 89% (tăng 3% so với năm 2020), tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch đạt tỷ lệ 99,2%.

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Tỉnh Đồng Tháp thuận lợi trong khai thác nước mặt để cung cấp nước sạch. Tuy nhiên, số TCN ngầm vẫn chiếm tỷ lệ rất cao trong tổng số các TCN trên địa bàn tỉnh.

- Do thiếu hệ thống xử lý, chất lượng nước tại các TCN ngầm và TCN mặt công suất dưới 1.000 m³/ngày đêm thường xuyên không đạt quy chuẩn của 02:2009/BYT của Bộ Y tế. Những TCN ngầm được đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý asen cũng chưa đáp ứng được kỳ vọng.

- Chất lượng nước ngầm từ các địa bàn các huyện vùng sâu (huyện Tân Hồng, huyện Tam Nông, huyện Tháp Mười và một phần huyện Cao Lãnh) đang suy giảm. Do đó, cần có chính sách hỗ trợ, thực hiện các dự án đầu tư công các hệ thống cấp nước hợp lý cho các khu vực này.

3.6. Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp

a) Kết quả đạt được

*** Khu công nghiệp (KCN)**

- Hiện tại, tỉnh Đồng Tháp có 03 KCN đang hoạt động, gồm: KCN Sa Đéc, KCN Trần Quốc Toản, KCN Sông Hậu, tỷ lệ lấp đầy bình quân khoảng 99,11%, với 64 dự án đầu tư (*trong đó có 11 dự án FDI*), vốn đăng ký 11.616 tỷ đồng và 206 triệu USD. Đến nay, công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các KCN đều được thực hiện khá hoàn chỉnh, cơ bản đáp ứng nhu cầu đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN.

- Dự án KCN Tân Kiều đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt quyết định thành lập tại Quyết định số 471/QĐ-UBND-HC ngày 15/4/2020. Hiện nay, dự án đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng

KCN (đang được triển khai thi công hạ tầng kỹ thuật, với tổng mức đầu tư là 1.266 tỷ đồng; trong đó, vốn Ngân sách Nhà nước là 476,26 tỷ đồng).

- Đối với các KCN dự kiến phát triển mới giai đoạn 2021 - 2025: thực hiện theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Quy hoạch phát triển các KCN tại tỉnh Đồng Tháp (Công văn số 947/TTg-KTN ngày 14/6/2011); Tỉnh đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai, điều chỉnh và phát triển một số KCN mới, như: KCN Trần Quốc Toàn (mở rộng), KCN Sông Hậu 2 (huyện Lấp Vò), KCN Tân Mỹ (huyện Lấp Vò), KCN Hòa Tân (huyện Châu Thành) và KCN Ba Sao (huyện Cao Lãnh), KCN Cao Lãnh II, KCN Cao Lãnh III (huyện Cao Lãnh).

- Tình hình sản xuất của doanh nghiệp tại các KCN năm 2021: ước tính tổng doanh thu đạt 18.324 tỷ đồng. Trong đó, giá trị xuất khẩu ước đạt 162,576 triệu USD, giá trị nhập khẩu ước đạt 30,789 triệu USD.

*** Khu Kinh tế (KKT)**

Tỉnh hiện có 01 KKT cửa khẩu theo Quyết định số 1580/QĐ-TTg ngày 09/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ, tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu kinh tế với mức đầu tư giai đoạn 2013 - 2021 là 292 tỷ đồng; dự án giai đoạn 2022 - 2025 là 393 tỷ đồng với tổng diện tích đất quy hoạch là 31.936 ha tại 02 cửa khẩu quốc tế (Thường Phước, Dinh Bà) và 05 cửa khẩu phụ (Bình Phú, Thông Bình, Mộc Rá, Á Đôn, Sở Thượng). KKT đã thu hút được 05 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn 125 tỷ đồng.

*** Cụm công nghiệp (CCN)**

- Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 16 CCN được thành lập, với tổng diện tích **564,4** ha. Trong đó 12 CCN đã hoạt động với tổng diện tích 404,75 ha, đã thu hút 61 dự án của 44 doanh nghiệp đăng ký với tổng vốn đầu tư khoảng 14.213 tỷ đồng giải quyết việc làm cho khoảng 19.000 người và 04 CCN đã thành lập nhưng chưa hoạt động, với tổng diện tích 179,48 ha¹⁴.

- Việc lập quy hoạch CCN so với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh Đồng Tháp đứng thứ **3** về số lượng quy hoạch CCN (sau Long An 62 Cụm, An Giang 32 Cụm); đứng thứ **3** về diện tích quy hoạch CCN (sau Long An 3.106 ha và An Giang 1.364 ha) và đứng thứ 2 về số lượng CCN được thành lập (sau Long An 52 Cụm, ngang An Giang 16 Cụm).

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Kết quả triển khai đầu tư hạ tầng các CCN trong 10 năm qua, kể từ năm 2011 đến nay, tỷ lệ số CCN được đầu tư và đưa vào khai thác sử dụng còn ở mức thấp, có 16/30 CCN với tổng diện tích đạt 404,75 ha/1.290 ha, tỷ lệ đạt khoảng 31,37% trên tổng diện tích được quy hoạch của CCN.

- Hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư nhưng vẫn còn chậm, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư. Nguyên nhân, do

¹⁴ Gồm: CCN Quảng Khánh đang giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng; CCN An Hoà di dời vị trí mới; CCN Tân Lập đang hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật và đã có nhà đầu tư đăng ký dự án; CCN Định An chủ đầu tư đang xin gia hạn tiến độ đầu tư hạ tầng CCN.

nguồn vốn ngân sách hạn chế, huy động vốn đầu tư của các thành phần kinh tế chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, phần lớn vẫn là ngân sách nhà nước; suất vốn đầu tư các dự án còn cao nên ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư; các hộ dân chưa bàn giao mặt bằng để triển khai thi công các gói thầu.

- Quỹ đất công nghiệp của các KCN, CCN đang hoạt động còn ít, khó thu hút đầu tư; diện tích đất công nghiệp đã cho thuê của các CCN đạt tỷ lệ 79%, nhưng hiệu quả sử dụng đất còn thấp (khoảng hơn 51%). Công tác bảo vệ môi trường tại đa số các CCN chưa đạt kết quả như mong muốn, hệ thống xử lý nước thải, chất thải tại đa số các CCN không được đầu tư (chỉ có 04/12 CCN đang hoạt động có công trình xử lý nước thải chung đi vào vận hành).

- Đối với khu kinh tế cửa khẩu thuộc địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội mặc dù được đầu tư nhưng chưa hoàn thiện, đồng bộ nên chưa đáp ứng tốt nhu cầu thu hút nhà đầu tư.

3.7. Hạ tầng thông tin và truyền thông

a) Kết quả đạt được

- Về hạ tầng công nghệ thông tin

Hạ tầng thông tin, trang thiết bị được đầu tư nâng cấp, các phần mềm dùng chung, phần mềm quản lý chuyên ngành được triển khai có hiệu quả, thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã. Hệ thống máy tính được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu tin học hóa trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Có 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính xử lý công việc và hầu hết đều có kết nối internet (trừ máy tính phục vụ soạn thảo văn bản mật). Có 100% cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện đã thiết lập mạng nội bộ (LAN) và mạng internet băng thông rộng; các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã kết nối mạng diện rộng của tỉnh (WAN). Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến thông suốt đến cả 03 cấp tỉnh, huyện, xã và kết nối với Trung ương; mở rộng tới các hợp tác xã, hội quán hoặc chuyển tiếp các cuộc họp của Trung ương với tỉnh đến huyện, xã khi có nhu cầu.

Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh đã được nâng cấp để làm nền tảng cho việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, nhờ đó hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được triển khai có thể liên thông, tích hợp để chia sẻ dữ liệu. Hoàn thành Xây dựng trực liên thông dữ liệu của tỉnh và liên thông với trực quốc gia của Bộ Thông tin và Truyền thông nhằm liên thông, chia sẻ dữ liệu từ các Bộ, ngành với địa phương; liên thông Cổng dịch vụ công tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia (xác thực định danh tài khoản, nộp trả hồ sơ trực tuyến, thanh toán).

Hệ thống thiết bị an toàn thông tin mạng được đầu tư nâng cấp đảm bảo phục vụ các ứng dụng dùng chung của tỉnh. Hệ thống mạng nội bộ của các sở, ngành tỉnh, cấp huyện, cấp xã được trang bị tường lửa cứng, phần mềm phòng chống mã độc tập trung tích hợp về Trung tâm giám sát mã độc Quốc gia. Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đã đạt được 3/4 lớp theo mô hình an toàn thông tin theo Chỉ thị số 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh

được thiết kế theo mô hình điện toán đám mây dùng riêng, là nền tảng cơ bản triển khai các ứng dụng dùng chung của tỉnh. Năm 2021, hệ thống không xảy ra sự cố làm mất an toàn thông tin.

Hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư, nâng cấp nhằm hiện đại hóa nền hành chính của tỉnh, phục vụ nhu cầu xây dựng chính quyền điện tử và chính quyền số, nhất là đổi mới quy trình giải quyết công việc trong nội bộ các cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Hiện nay, 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh; Cổng dịch vụ công tỉnh đã cung cấp 814 dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức 4 và 389 dịch vụ công trực tuyến mức 3, đạt tỷ lệ 70%.

- Hạ tầng bưu chính, viễn thông

Toàn tỉnh có 281 điểm phục vụ bưu chính (tăng 62 điểm so với năm 2020), bán kính bình quân 1,96 km, số người dân được phục vụ/01 điểm là 5.698 người. Hệ thống bưu chính công cộng mở rộng cung cấp đa dịch vụ, tham gia vào quá trình giải quyết thủ tục hành chính công của Nhà nước mang lại hiệu quả cao. Hạ tầng viễn thông được đầu tư, nâng cấp với công nghệ hiện đại, đa dịch vụ, phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin, viễn thông, phù hợp định hướng chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số phục vụ cho chuyển đổi số của tỉnh. Có 100% khóm, ấp trên địa bàn tỉnh đã phủ sóng thông tin di động 3G, 4G, chất lượng dịch vụ được đảm bảo; tổng số trạm thu, phát sóng thông tin di động mặt đất trên địa bàn tỉnh hiện nay là 4.880 trạm (tăng 106 trạm so với năm 2020); tỷ lệ doanh nghiệp chia sẻ, dùng chung hạ tầng là 11,3%. Đường truyền internet băng rộng, mạng cáp quang, mạng di động 4G được triển khai đến 100% xã, phường, thị trấn trong tỉnh, cung cấp kết nối và các dịch vụ trên hệ thống như: hội nghị truyền hình, thư điện tử, internet, truyền dữ liệu,... đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp và nhu cầu của nhân dân, nhất là trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu, các sự kiện chính trị trọng đại của tỉnh.

Công tác quản lý hạ tầng viễn thông được tăng cường, nhất là trong cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp ngoại vi viễn thông, dùng chung hạ tầng; tình trạng treo cáp không đúng quy định, tháp truyền thông có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn từng bước được chấn chỉnh, xử lý. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định quản lý, sử dụng chung cột treo cáp trên địa bàn tỉnh; phê duyệt Đề cương và dự toán Đề án tổng thể thực hiện ngầm hóa mạng cáp ngoại vi viễn thông, cáp điện lực trong đô thị, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 (xây dựng Đề án trong năm 2022).

- Hạ tầng phát thanh, truyền thanh, truyền hình

Hệ thống phát thanh, truyền thanh, truyền hình của tỉnh được đầu tư nâng cấp, ứng dụng công nghệ mới, đảm bảo phủ sóng truyền thanh cơ sở tới tất cả các ấp khóm, khu dân cư, từng bước nâng cao chất lượng tuyên truyền tại địa phương. 100% xã có đài truyền thanh hữu tuyến hoặc vô tuyến FM; khu vực trung tâm 12

huyện, thành phố được trang bị màn hình và bảng điện tử để thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền; đầu tư 05 Đài truyền thanh không dây FM của 05 Đồn Biên phòng; 100% địa phương trong tỉnh đã phủ sóng truyền hình số mặt đất (thực hiện đúng lộ trình của Chính phủ về số hóa truyền dẫn phát sóng truyền hình mặt đất); mạng truyền hình cáp, truyền hình kỹ thuật số đã phủ sóng 12/12 huyện, thành phố. Đến cuối năm 2021, các địa phương trong tỉnh đã chuyển đổi hệ thống truyền thanh công nghệ cũ sang đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông (49/143 đài truyền thanh, đạt tỷ lệ 35%), trong đó, thành phố Cao Lãnh là đơn vị đi đầu. Ngoài ra, tỉnh đã thiết lập được Cụm thông tin cơ sở tại khu vực Cửa khẩu Quốc tế Dinh Bà, phục vụ tuyên truyền người dân khu vực biên giới.

b) Hạn chế và nguyên nhân

Hạ tầng kỹ thuật thông tin, truyền thông chưa đồng bộ giữa khu vực đô thị và nông thôn. Tỷ lệ dùng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông của các doanh nghiệp chưa cao và chưa đồng bộ với các hạ tầng kỹ thuật khác nên công tác quản lý còn gặp khó khăn. Hệ thống mạng và trang thiết bị công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

3.8. Hạ tầng y tế

Hạ tầng y tế tiếp tục được quan tâm đầu tư⁽¹⁵⁾, mạng lưới khám chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến xã, phường ngày càng hoàn thiện, góp phần ngày càng nâng cao chất lượng khám và điều trị tại các bệnh viện tuyến huyện, thu hút lượng bệnh nhân đến khám ngày càng tăng, góp phần giảm quá tải tuyến trên. Đến cuối năm 2021, Toàn tỉnh có 05 Bệnh viện đa khoa⁽¹⁶⁾; 05 bệnh viện chuyên khoa⁽¹⁷⁾; 05 Bệnh viện tư nhân⁽¹⁸⁾; 04 Trung tâm Y tế tuyến tỉnh⁽¹⁹⁾; Tuyến huyện có 12 Trung tâm y tế huyện, thành phố; 100% xã, phường/thị trấn đều có trạm y tế; qui mô giường bệnh trong toàn tỉnh 4.654 giường bệnh, số giường bệnh/vạn dân đạt tỷ lệ từ 29,0 giường bệnh/vạn dân (*vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra*) đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh người dân trong thời gian đại dịch Covid-19.

Tuy nhiên, việc đầu tư dự án Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp tiến độ còn chậm so với kế hoạch đề ra.

3.9. Hạ tầng giáo dục, đào tạo

a) Kết quả đạt được

¹⁵. Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp 700 giường bệnh đang trong giai đoạn hoàn thành, dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng cuối quý 2/2022, trong đó thành lập thêm khoa ung bướu, củng cố và nâng cao chất lượng của bệnh viện hạng I. Đồng thời, hướng tới Tỉnh sẽ thành lập Bệnh viện sản nhi, khi Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp về trụ sở mới. Tập trung nâng cấp và mở rộng, Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự, Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười, Bệnh viện Y học cổ truyền. 04 Trung tâm Y tế tuyến tỉnh và Bệnh viện Da Liễu đã được đầu tư xây dựng tập trung từ dự án 7 cơ quan y tế, dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng. 08 Trung tâm Y tế tuyến huyện đã được thực hiện đầu tư sửa chữa, nâng cấp xây dựng và mua sắm trang thiết bị, tiếp tục đầu tư nâng cấp mở rộng Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng, Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò từ nguồn vốn phục hồi phát triển kinh tế.

¹⁶. Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp, Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc, Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự, Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười và Bệnh viện Quân Dân y.

¹⁷. Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Phục hồi chức năng, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Tâm thần và Bệnh viện Da liễu.

¹⁸. Bệnh viện Quốc tế Thái Hòa, Bệnh viện Tâm Trí, Bệnh viện mắt Quang Đức, Bệnh viện Phương Châu Sa Đéc và Bệnh viện Thái Hòa – Hồng Ngự.

¹⁹. Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật, Trung tâm Kiểm nghiệm, Trung tâm Pháp y, Trung tâm giám định y khoa.

- Hệ thống các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn đầy đủ các ngành học, cấp học từ mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên đến cao đẳng, đại học đáp ứng được yêu cầu học tập của người dân trên địa bàn. Đến cuối năm 2021, toàn tỉnh có 01 trường đại học, 02 trường cao đẳng, 03 trường trung cấp nghề, 08 trung tâm dạy nghề, 15 cơ sở dạy nghề khác không đổi so năm 2020, phân bố đều ở tất cả các huyện, thành phố trong Tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia học nghề; có 621 trường phổ thông và trường mầm non, giảm 38 cơ sở so năm 2020.

- Công tác xã hội hóa tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh. Kết quả giai đoạn 2016 - 2021, tổng số tiền vận động tài trợ là hơn 518 tỷ đồng để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, cấp học bổng và khen thưởng cho học sinh, sinh viên, giáo viên... Tỉnh có 05 dự án xã hội hóa đã đi vào hoạt động có tổng vốn đầu tư hơn 444 tỷ đồng với quy mô trên 4 nghìn học sinh đã góp phần tích cực trong phát triển giáo dục tại địa phương.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình Kiên cố hóa trường, lớp học tỉnh Đồng Tháp, theo đó, năm 2021, trường học các cấp được tập trung đầu tư theo kế hoạch với quy mô 323 phòng học, 446 phòng chức năng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, số trường đạt chuẩn quốc gia tăng; nhà công vụ giáo viên, ký túc xá sinh viên được đầu tư, góp phần phục vụ tốt công tác dạy và học. Mạng lưới các cơ sở đào tạo được nâng cấp, xây dựng theo quy hoạch, tạo thuận lợi cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của Tỉnh. Đến cuối năm 2021, toàn Tỉnh có 380 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ đạt **62,6%**.

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Đối với cơ sở giáo dục công lập không còn nhu cầu sử dụng sẽ được sử dụng để kêu gọi xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ. Theo đó, các cơ sở thực hiện xã hội hóa được hưởng ưu đãi “miễn tiền thuê đất suốt thời gian được thuê đất của dự án”. Tuy nhiên từ năm 2018, các cơ sở này không thể sử dụng kêu gọi xã hội hóa. Nguyên nhân: Theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017⁽²⁰⁾, đối với tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập không còn nhu cầu sử dụng phải thực hiện đấu giá bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các cơ sở xã hội hóa sẽ không được hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất khi tham gia đấu giá⁽²¹⁾. Với quy định trên, việc thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn Tỉnh đang gặp rất nhiều khó khăn.

- Cơ sở vật chất các trung tâm giáo dục nghề nghiệp cấp huyện chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức; việc tồn tại song song nhiều cơ sở giáo dục nghề

²⁰ Tại Điều 40, 41, 43, 62 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

²¹ Theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ.

ng nghiệp công lập trên địa bàn dẫn đến nguồn lực đầu tư bị phân tán, tốn nhiều ngân sách để duy trì cho hoạt động của bộ máy²².

3.10. Hạ tầng khoa học và công nghệ

a) Kết quả đạt được: Tỉnh có 01 tổ chức khoa học công nghệ là Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm thuộc Sở Khoa học và Công nghệ (Trung tâm)⁽²³⁾. Trung tâm đáp ứng về diện tích làm việc, đáp ứng yêu cầu của dây chuyền kiểm định, kiểm nghiệm; tạo điều kiện nghiên cứu và ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật; đáp ứng yêu cầu hoạt động khoa học công nghệ, phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra, tổ chức các hoạt động khoa học và công nghệ là những trường Cao đẳng, Đại học trên địa bàn tỉnh, đến nay đã có 03 trường (01 Đại học và 02 Cao đẳng).

- Tỉnh ban hành Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 30/3/2020 về phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ đến năm 2025, nhằm thúc đẩy việc hình thành và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất kinh doanh, thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm hàng hóa là kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh có 05 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

b) Hạn chế và nguyên nhân

Một số chủ trương, chính sách về phát triển khoa học và công nghệ triển khai vào thực tế còn chậm, như phát triển công nghệ cao, phát triển doanh nghiệp hoạt động khoa học và công nghệ... địa phương còn thiếu những nhà khoa học đầu đàn, chuyên sâu.

3.11. Phát triển Doanh nghiệp

a) Kết quả đạt được

Theo số liệu của ngành thống kê: Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động đến cuối năm 2021 là 3.036 doanh nghiệp (gồm doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp tư nhân), giảm 237 doanh nghiệp so cuối năm 2020. Dưới tác động dịch bệnh Covid -19, tài sản cố định đầu tư dài hạn của doanh nghiệp giảm hơn 16.000 tỷ đồng, tổng nguồn vốn doanh nghiệp giảm hơn 19.000 tỷ đồng so năm 2020.

(1) Doanh nghiệp tư nhân

** Số doanh nghiệp thành lập mới:*

- Trong năm 2021, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 nên Tỉnh chỉ phát triển mới được 490 doanh nghiệp, đạt 89,09% kế hoạch (Kế hoạch thành lập mới là 550 doanh nghiệp), tổng vốn đăng ký 4.248 tỷ đồng; số doanh nghiệp gặp khó khăn trong hoạt phải tạm thời ngừng kinh doanh là 219 doanh nghiệp; bỏ

²² Hầu hết các huyện, thành phố tồn tại song song hai đơn vị thực hiện đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đào tạo nghề phi nông nghiệp, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp đào tạo nghề nông nghiệp.

²³ Năm 2018, sáp nhập Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng và Trung tâm kỹ thuật thí nghiệm và ứng dụng KHCN, đổi tên thành trung tâm kiểm định và kiểm nghiệm.

địa chỉ kinh doanh là 205 doanh nghiệp; giải thể là 486 doanh nghiệp; có 160 doanh nghiệp tái hoạt động.

- So với năm 2020: số lượng doanh nghiệp thành lập mới giảm 120 doanh nghiệp (tương đương giảm 19,67%) nhưng số vốn đăng ký mới tăng 172 tỷ đồng; số doanh nghiệp gặp khó khăn phải tạm thời ngừng kinh doanh tăng 31 doanh nghiệp (tương đương tăng 16,49%) và số doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh tăng 22 doanh nghiệp (tương đương tăng 12,02%). Riêng số doanh nghiệp giải thể tăng 219 doanh nghiệp (tương đương tăng 82,02%, trong đó có 397 doanh nghiệp giải thể do thực hiện rà soát chuẩn hóa dữ liệu doanh nghiệp, thu hồi bắt buộc).

(2) Về sắp xếp Doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý

- Thực hiện Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020, theo đó, Tỉnh đã hoàn thành thoái vốn Nhà nước với tỷ lệ là 41,49% so với vốn điều lệ tại Công ty cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp vào tháng 6/2021, hiện tại tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ sau khi thoái là 51% vốn điều lệ.

- Công ty cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp thuộc danh mục doanh nghiệp dừng thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 để rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, thoái vốn trong giai đoạn 2021-2025 (Phụ lục III của Quyết định số 908/QĐ-TTg).

- Đối với Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp chưa được phê duyệt trong danh mục doanh nghiệp thực hiện thoái vốn tại Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020. Tại điểm c khoản 1 Mục III Điều 1 Quyết định số 908/QĐ-TTg có quy định *“trong giai đoạn đến hết 2020, chưa thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp cung cấp mặt hàng thiết yếu cho nhân dân, các doanh nghiệp cấp nước địa phương”*.

b) Hạn chế và nguyên nhân

Năm 2021, doanh nghiệp bị ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh Covid-19, số doanh nghiệp gia nhập thị trường chỉ bằng 71% số doanh nghiệp rời khỏi thị trường.

4. nguồn lực tài chính tiền tệ

4.1. Ngân sách nhà nước

a) Kết quả thu, chi Ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2021

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 7.213 tỷ đồng. Trong đó, thu nội địa 7.016 tỷ đồng, đạt 87,31% dự toán HĐND Tỉnh giao, bằng 84,16% so với cùng kỳ năm trước (năm 2020: 8.337 tỷ đồng).

- Ước thực hiện tổng chi NSDP năm 2021: 14.057 tỷ đồng đạt 110,75% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 106,39% so với cùng kỳ năm trước.

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Năm 2021 do ảnh hưởng của dịch tả heo Châu Phi, dịch bệnh Covid -19 làm cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều ngành, nghề, lĩnh vực sụt giảm. Đồng thời, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2021/NĐ-CP về gia hạn

thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất làm giảm nguồn thu trong năm 2021. Do đó, thu ngân sách năm 2021 giảm và không đạt chỉ tiêu đề ra.

- Công tác chi phòng, chống dịch Covid-19 là ưu tiên nên nguồn chi rất lớn⁽²⁴⁾. Các ngành, địa phương đã phối hợp với ngành Y tế ưu tiên thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch nên ảnh hưởng đến hoạt động kinh phí một số nhiệm vụ khác được giao trong năm 2021.

4.2. Các quỹ tài chính Nhà nước ngoài NSNN

- Các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được hình thành đảm bảo đúng theo các quy định của Hiến pháp; các đạo luật, Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp theo thẩm quyền được phân cấp.

- Hiện nay, tổng số Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách tỉnh Đồng Tháp là: 15 quỹ. Bao gồm: Quỹ Phát triển tái hòa nhập cộng đồng; Quỹ Phòng chống tội phạm; Quỹ Phòng, chống thiên tai; Quỹ Dền ơn đáp nghĩa và Bảo trợ trẻ em; Quỹ Đầu tư phát triển; Quỹ Phát triển đất; Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa và hỗ trợ khởi nghiệp; Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Quỹ Hỗ trợ nông dân; Quỹ Khám chữa bệnh người nghèo; Quỹ Vì người nghèo; Quỹ Khuyến học Nguyễn Sinh Sắc; Quỹ Trợ giúp nhân đạo; Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam; Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nghèo.

- Tổng nguồn kinh phí của 15 Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp nêu trên là: **1.446,993 tỷ đồng** (tính đến ngày 31/10/2021).

4.3. Dự trữ quốc gia

Hiện tại, tỉnh Đồng Tháp có Quỹ dự trữ tài chính địa phương, Quỹ này được trích theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước, Tỉnh thực hiện trích theo đúng quy định, hiện tại số dư trên tài khoản tại Kho Bạc nhà nước Đồng Tháp tính đến ngày 31/01/2022: **262 tỷ đồng**.

4.4. Nguồn lực các tổ chức tín dụng (TCTD)

a) Kết quả đạt được

- Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, các ngân hàng trên địa bàn đã nỗ lực duy trì hoạt động an toàn, thông suốt theo chỉ đạo của Thống đốc NHNN Việt Nam, phục vụ nhu cầu giao dịch ngân hàng thiết yếu của người dân, doanh nghiệp, đảm bảo không làm đứt gãy chuỗi cung ứng vốn, đồng hành cùng người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Mạng lưới TCTD là 29 chi nhánh ngân hàng cấp tỉnh⁽²⁵⁾, 11 chi nhánh ngân hàng cấp huyện, 87 phòng giao dịch trực thuộc các chi nhánh ngân hàng, 17 quỹ tín dụng và 02 chi nhánh tổ chức tài chính vi mô, không thay đổi so với cuối năm 2020.

²⁴ Cụ thể như, Chi sự nghiệp Y tế: 1.232 tỷ đồng, đạt 159,96%; Chi đảm bảo xã hội: 877 tỷ đồng, đạt 204,94% dự toán; Chi An ninh – Quốc Phòng: 545 tỷ đồng, đạt 200,78% dự toán, Các khoản chi khác: 141 tỷ đồng, đạt 217,65% dự toán.

²⁵ Trong đó: 28 chi nhánh ngân hàng thương mại cấp tỉnh; 01 chi nhánh ngân hàng Chính sách xã hội.

Huy động vốn đến 31/12/2021 đạt 54.766 tỷ đồng, so với cuối năm 2020 tăng 3.159 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 6,12%, **đạt 94,75%** kế hoạch năm 2021. Dư nợ tín dụng đạt 80.296 tỷ đồng, so với cuối năm 2020 tăng 8.570 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 11,95%, đạt 102,71% kế hoạch năm 2021. Nợ xấu là 464,20 tỷ đồng, chiếm 0,58% tổng dư nợ.

Nguồn vốn tín dụng trên địa bàn tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên và các ngành hàng chủ lực của Tỉnh⁽²⁶⁾. Các ngân hàng trên địa bàn tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 như cơ cấu lại nợ, giảm lãi suất trên dư nợ hiện hữu, giảm lãi suất cho vay đối với các khoản giải ngân mới, giảm phí dịch vụ.

b) Hạn chế và nguyên nhân

Chỉ tiêu huy động vốn tăng trưởng chậm và chưa đạt kế hoạch năm đề ra. Đặc biệt, trong thời gian giãn cách xã hội, khách hàng gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh và trả nợ ngân hàng, dẫn đến nợ quá hạn, nợ xấu có xu hướng tăng, tốc độ tăng trưởng tín dụng trong giai đoạn này cũng chậm hơn so với các tháng đầu năm.

4.5. Nguồn lực tài chính khác

a) Kết quả đạt được

- Ngoài nguồn lực từ ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Tháp chỉ có vay vốn từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo kế hoạch của Chính Phủ phê duyệt để thực hiện 02 chương trình, gồm: Chương trình kiên cố hóa kênh mương với dư nợ đến 31/12/2021 là 0 đồng (đã trả hết trong năm 2021) và Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ vùng Đồng bằng sông Cửu Long với dư nợ đến ngày 31/12/2021 là 339 tỷ đồng.

- Ngoài ra, Tỉnh còn vay lại từ vốn vay ODA của Chính phủ để thực hiện tiêu dự án “*Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng Tháp Mười*” với dư nợ đến ngày 31/12/2021 là 67,276 tỷ đồng.

b) Hạn chế và nguyên nhân

Công tác trả nợ chậm, có nợ quá hạn do việc thu hồi nợ từ các cụm tuyến dân cư gặp khó khăn, nguồn thu của Tỉnh thấp nên khó khăn trong cân đối ngân sách để trả nợ vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ PHÁT HUY HIỆU QUẢ NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP ĐẾN NĂM 2035 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Quan điểm, định hướng quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực

²⁶ Đến 31/12/2021, dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn tăng 5,95%; cho vay nuôi trồng và chế biến thủy sản giảm 3,57%; cho vay thu mua lúa, gạo tăng 36,73%; cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng 18,72% (với 1.025 doanh nghiệp còn dư nợ) so với cuối năm 2020.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực là yêu cầu cấp bách trong tình hình hiện nay, nhất là nguồn vốn hỗ trợ từ Chương trình phục hồi của Chính phủ, các nguồn vốn từ vốn đầu tư công do tỉnh quản lý và phân bổ, để thúc đẩy thúc đẩy quá trình phục hồi kinh tế trong 02 năm 2022 - 2023 đạt các mục tiêu đề ra.

- Khai thác tốt các nguồn lực từ bên ngoài, thu hút các nhà đầu tư chiến lược về hoạt động trên địa bàn, kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư trên địa bàn.

- Kiểm kê, đánh giá đầy đủ, thực chất các nguồn lực của nền kinh tế là cơ sở quan trọng để xây dựng quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 5 năm. Tất cả các nguồn lực phải được kiểm kê đánh giá, thống kê, hoạch toán đầy đủ, đúng đắn; được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với việc khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, cạn kiệt nguồn lực của Tỉnh.

2. Giải pháp chung và giải pháp cụ thể đối với từng nguồn lực đến năm 2025, năm 2035 và năm 2045

2.1. Giải pháp chung

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 276/KH-UBND, ngày 23/11/2020 của UBND Tỉnh về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, Kết luận chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; các đột phá chiến lược:

(1) Đẩy nhanh phát triển hạ tầng giao thông, tạo nền tảng kết nối và phát triển các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, du lịch gắn kết hài hoà với phát triển đô thị; tranh thủ các nguồn vốn đầu tư mở rộng các tuyến quốc lộ, các đường cao tốc qua địa bàn Tỉnh. Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường huyện và hệ thống giao thông nông thôn hiện có và đầu tư xây dựng các tuyến đường mới phục vụ cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp, du lịch.

(2) Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong điều kiện tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục trong Tỉnh, nhất là chất lượng giảng dạy tại Trường Cao đẳng Cộng đồng, Trường Cao đẳng Y tế. Liên kết với các trường đại học trong và ngoài nước để đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Quan tâm đào tạo, chuyển giao công nghệ và kiến thức quản lý kinh tế cho nông dân.

(3) Tăng cường liên kết, hợp tác phát triển kinh tế nông nghiệp quy mô lớn, phát triển nền nông nghiệp thông minh. Đẩy mạnh phát triển ngành hàng hoa kiểng

và phát huy lợi thế của làng hoa Sa Đéc lan toả ra toàn Tỉnh. Phát triển nhanh diện tích trồng cây ăn trái.

(4) Tập trung phát triển doanh nghiệp và đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp theo hướng nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả, đóng vai trò là động lực phát triển kinh tế, gắn kết nguồn lực và tham gia chuỗi các ngành hàng chủ lực của Tỉnh.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở tăng cường năng lực phân tích, đánh giá, dự báo trên các lĩnh vực gắn với thực tiễn, nguồn lực đầu tư, tận dụng cơ hội lấy lại đà tăng trưởng nhanh và bền vững. Sớm hoàn thành trình Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; hoàn thành các quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy hoạch khác theo quy định, triển khai nhanh các quy hoạch đưa vào cuộc sống thực tiễn.

- Chủ động nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, thúc đẩy chuyển đổi số tất cả các ngành lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ thông tin về các nguồn lực để sử dụng tối ưu và hiệu quả; phân phối, chia sẻ và tái sử dụng có hiệu quả các nguồn lực dư thừa, làm gia tăng giá trị các nguồn lực sẵn có trên địa bàn Tỉnh.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp, bảo đảm nguồn nhân lực có chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề, nâng cao năng suất lao động đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động trong và ngoài nước.

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là các dự án hạ tầng giao thông có tính kết nối liên vùng, liên huyện tạo đà thúc đẩy phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội. Hỗ trợ cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh theo hướng bảo đảm cạnh tranh công bằng, bình đẳng, tôn trọng, gắn với phát triển bền vững, không gây ô nhiễm môi trường.

2.2. Giải pháp cụ thể từng nguồn lực

2.2.1. Giải pháp phát huy hiệu quả nguồn lực con người

a) Nguồn lực dân số, nguồn lực lao động

- Các ngành, các cấp và địa phương thực hiện tốt công tác quản lý, duy trì quy mô dân số, cơ cấu dân số, tốc độ tăng dân số, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, có chính sách phù hợp đảm bảo tỷ lệ hợp lý trẻ em trai và em gái khi sinh; quản lý nguồn lao động, sử dụng nguồn lao động đảm bảo cân đối cung - cầu lao động phục vụ kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tập trung chất lượng giáo dục ở các cấp học, tạo nền tảng, tiền đề quan trọng, quyết định chất lượng nguồn nhân lực. Tăng cường công tác tuyên truyền, phát huy hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu quả; tăng cường đầu tư trang thiết bị các ngành nghề trọng điểm, ngành nghề có thế mạnh của Tỉnh

- Đẩy mạnh phát triển thị trường lao động, thông tin về thị trường lao động: Tập trung đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động Sàn giao dịch việc làm, tăng

cường kết nối hệ thống Sàn giao dịch việc làm của Tỉnh với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai và Bình Dương; Đầu tư nâng cao năng lực hoạt động cho Trung tâm Dịch vụ Việc làm đảm bảo về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa nội dung hoạt động, gắn kết cung - cầu lao động. Đặc biệt, triển khai tốt Chương trình đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có nhu cầu hoạt động dịch vụ giới thiệu việc làm đầu tư, hoạt động.

b) Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin, nhân lực phục vụ chuyển đổi số, nhất là trong cơ quan nhà nước để hình thành đội ngũ cán bộ, công chức điện tử có đủ khả năng và làm chủ công nghệ, phát triển nhân lực, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chú trọng đào tạo chuyên sâu công nghệ thông tin đối với đội ngũ cán bộ, công chức trẻ, có năng lực, xây dựng lực lượng nòng cốt triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số trong các cơ quan nhà nước. Nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, internet cho cộng đồng, doanh nghiệp. Mở rộng, tăng cường hợp tác, huy động, đa dạng hóa các nguồn lực để phát triển nhân lực công nghệ thông tin, đáp ứng nhu cầu phát triển. Phát huy vai trò các cơ sở giáo dục và thiết chế văn hóa ở các cấp nhằm phổ cập công nghệ thông tin đến với các tầng lớp nhân dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, đổi mới nhận thức của các ngành, các cấp về vai trò, vị trí của công nghệ thông tin trong phát triển kinh tế - xã hội, tạo chuyển biến về nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân, qua đó tích cực học tập rèn luyện nâng cao trình độ.

c) Phát triển nguồn nhân lực giáo dục, đào tạo

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ viên chức gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bố trí đội ngũ viên chức phù hợp với vị trí việc làm; tạo điều kiện để viên chức phát huy năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng, tăng quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục và đào tạo chú trọng giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh, học viên, sinh viên; tăng cường dạy học ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; triển khai chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao chất lượng công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh ngay ở các cấp học.

d) Nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức

- Tiếp tục cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với tin giản biên chế, đào tạo đúng với vị trí việc làm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động các cấp chính quyền.

- Ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND Tỉnh về ban hành quy định phân cấp, phân công về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan hành

chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cho phù hợp với các văn bản quy định của Trung ương, đồng thời nêu cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

e) Phát triển nguồn nhân lực y tế

- Tiếp tục nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần thái độ phục vụ của cán bộ y tế, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nâng cao trách nhiệm người đứng đầu. Tạo dựng hình ảnh người cán bộ Y tế “*Đất Sen hồng*”.

- Đẩy mạnh liên kết đào tạo, chuyển giao kỹ thuật để nâng cao năng lực cho các tuyến, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác khám, chữa bệnh như hệ thống Hội chẩn y tế từ xa tại các bệnh viện, hệ thống thông tin quản lý ngành Y tế; triển khai bệnh án điện tử, bệnh viện thông minh. Tiếp tục phát huy hiệu quả quy chế phối hợp giữa các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập, trong việc sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế trong công tác khám, chữa bệnh.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tạo môi trường làm việc thuận lợi cho đội ngũ cán bộ y tế thực hiện tốt nhiệm vụ, phát huy được khả năng chuyên môn nghiệp vụ. Xây dựng cơ chế đãi ngộ để thu hút, “*giữ chân*” cán bộ có chuyên môn giỏi, chính sách đãi ngộ phù hợp để khuyến khích người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, vùng khó khăn, biên giới và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong, giải phẫu bệnh.

2.2.2. Giải pháp phát huy hiệu quả nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

a) Đối với lĩnh vực đất đai

- Cải cách thủ tục hành chính liên quan đến đất đai và có chính sách khuyến khích các tổ chức cá nhân tích tụ ruộng đất quy mô lớn, nghiên cứu, áp dụng các biện pháp sản xuất tiên tiến, cải tạo đất, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả đất đai, ngăn chặn tình trạng suy thoái đất, đảm bảo phát triển bền vững.

- Thường xuyên kiểm tra quản lý nhà nước về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp sử dụng đất sai mục đích, không đúng quy hoạch; tham mưu xử lý triệt để tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng, chuyển mục đích, cho thuê, mượn, giao khoán trái pháp luật, sử dụng đất lãng phí, không hiệu quả.

b) Đối với lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản

- Tiếp tục rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các Nghị định, Thông tư hướng dẫn đối với lĩnh vực của ngành, nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của tài nguyên nước đối với đời sống xã hội để cộng đồng cùng chung tay bảo vệ và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên hiện có.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường; kiên quyết xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản và môi trường.

- Tăng cường đầu tư các trang thiết bị hiện đại để quản lý nước hiệu quả; có nhiều chính sách khuyến khích đầu tư cho công nghệ xử lý nước sạch, công nghệ

tiết kiệm nước....

c) Đối với tài nguyên rừng

- Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, sử dụng hợp lý, phát triển bền vững tài nguyên rừng; giữ ổn định tỷ lệ che phủ rừng; nâng cao chất lượng rừng trồng, phát huy vai trò, chức năng của rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Phát triển các dịch vụ môi trường rừng; huy động các nguồn lực xã hội tham gia bảo vệ và phát triển rừng, góp phần xã hội hóa nghề rừng, tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất lâm nghiệp góp phần tăng giá trị kinh tế trong hoạt động lâm nghiệp, nâng cao đời sống cư dân làm nghề rừng.

d) Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu theo hướng hiện đại, đủ năng lực, đáp ứng yêu cầu đặt ra. Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách áp dụng cho nhiệm vụ ứng phó biến đổi khí hậu. Tăng cường thu hút, ưu đãi các dự án đầu tư trọng điểm về ứng phó biến đổi khí hậu; khuyến khích, hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp áp dụng công nghệ giảm lượng phát thải khí nhà kính. Tăng cường ký kết và tổ chức thực hiện các chương trình hợp tác về ứng phó biến đổi khí hậu với các tỉnh, thành phố trong vùng và quốc tế. Đồng thời, triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn Tỉnh.

- Đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ ứng phó biến đổi khí hậu. Xây dựng kế hoạch, cân đối và bố trí phù hợp nguồn vốn ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ ứng phó biến đổi khí hậu, gắn với đầu tư xây dựng cơ bản trên cơ sở phối hợp chặt chẽ với chương trình, kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu của các địa phương để tiết kiệm hợp lý ngân sách. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ, vốn vay.

- Ưu tiên đầu tư khai thác và chuyển giao ứng dụng các giải pháp khoa học - công nghệ phổ cập trong kiểm soát và xử lý các nguồn khí thải gây hiệu ứng nhà kính. Xây dựng và triển khai các dự án, mô hình điểm về bảo vệ môi trường và phòng, chống, ứng phó với thiên tai. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và triển khai các dự án theo cơ chế phát triển sạch trên địa bàn Tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp nhằm giảm lượng phát thải khí nhà kính. Nâng cao năng lực xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường trong điều kiện tác động của biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan có hại. Chủ động đặt hàng, hoặc khai thác, sử dụng các thành tựu công nghệ sinh học về giống, cây trồng, vật nuôi mới, thích ứng và thích nghi cao với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường hợp tác giữa các trường, viện, trung tâm nghiên cứu trong nước, ngoài nước để thực hiện các đề tài, dự án về ứng phó biến đổi khí hậu; đẩy mạnh công tác ứng dụng và chuyển giao công nghệ, công tác tư vấn, hoạt động xúc

tiền thương mại, hợp tác với các tổ chức quốc tế để được hỗ trợ công nghệ, chương trình, dự án về ứng phó biến đổi khí hậu.

- Ngoài ra, tiếp tục tổ chức tuyên truyền về biến đổi khí hậu; tăng cường thời lượng phát sóng, phát thanh tuyên truyền về ứng phó biến đổi khí hậu. Lòng ghép nội dung bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong giáo dục ở các cấp học. Đào tạo đội ngũ cán bộ đủ năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu ở các địa phương.

2.2.3. Giải pháp phát huy nguồn lực cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Nguồn vốn đầu tư

*** Định các nguồn vốn đầu tư để phát triển hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội**

- Tập trung vốn đầu tư các tuyến đường giao thông trọng điểm mang tính kết nối giữa các vùng nội tỉnh với các tỉnh lân cận; các tuyến kết nối với đường trục, các tuyến giao thông trọng điểm phục vụ cho việc vận chuyển hàng hoá, hành khách được thuận lợi phục vụ phát triển nền nông nghiệp hàng hoá, kết nối các đô thị, khu, cụm công nghiệp, các vùng nguyên liệu lớn, xây dựng nông thôn mới, du lịch và bảo đảm an ninh - quốc phòng (*như Xây dựng tuyến ĐT.857, đoạn QL30-ĐT.845; Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp; đường cao tốc An Hữu - Cao Lãnh...*) để tạo điều kiện thu hút các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh và dự án FDI.

- Triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp, duy trì và phát huy tốt tiềm năng công nghiệp hiện có; từng bước hình thành các ngành công nghiệp mới phù hợp với điều kiện của địa phương; đầu tư hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu theo quy hoạch, tạo thuận lợi cho kinh tế biên giới phát triển (*Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp giai đoạn 3; Cụm công nghiệp Quảng Khánh giai đoạn 1; Xây dựng không gian khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp...*).

- Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình tái cơ cấu nông nghiệp của Tỉnh; trong đó tập trung đầu tư các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, dự án hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản, kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư và các dự án thủy lợi vừa và nhỏ (*Tiểu dự án Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười - các huyện phía Bắc tỉnh Đồng Tháp; - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VnSAT) trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp...*).

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế trong năm và những năm tiếp theo; tập trung bố trí vốn đầu tư công để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án, công trình trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các công trình có tính liên kết, kết nối vùng, quốc gia.

- Bước đầu hoàn chỉnh cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ khoa học, công nghệ thông tin⁽²⁷⁾.

²⁷. Với tỷ lệ 14,1% = ((phân bổ Dự 1 theo QĐ 1981 (12.490 KHCN + 32.400 CNTT) + phân bổ Dự 2 theo QĐ 170 (20.210 KHCN + 9.500 CNTT + 310 CBĐT.CNTT)) / 531.239 tỷ đồng nguồn NSTT năm 2022.

- Ưu tiên bố trí vốn thực hiện Chương trình đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

*** Các giải pháp huy động các nguồn vốn để phục vụ đầu tư phát triển**

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về chính sách xã hội hóa các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư các lĩnh vực này.

- Nâng cao năng lực chuẩn bị, xúc tiến đầu tư các dự án hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, hạ tầng giao thông, thoát nước đô thị, cấp nước, xử lý chất thải ... theo các hình thức hợp đồng PPP.

- Tiếp tục tái cơ cấu vốn đầu tư công, nâng cao hiệu quả công tác lập kế hoạch, tập trung vốn cho các dự án quan trọng, cấp thiết, có tác động lan tỏa lớn, có khả năng giải ngân nhanh và hấp thụ ngay vào phát triển kinh tế. Khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư của các dự án thuộc Chương trình theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan. Phấn đấu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công hàng năm đạt 100%.

- Quản lý chặt chẽ công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng; nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị chủ đầu tư, các đơn vị quản lý, khai thác sử dụng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

b) Hạ tầng giao thông

- Trước hết, phối hợp triển khai nhanh tiến độ xây dựng các Dự án Cao Lãnh - Lộ Tẻ, cao tốc đoạn Mỹ Thuận - Cần Thơ, cao tốc Mỹ An - Cao Lãnh và cao tốc An Hữu - Cao Lãnh. Hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh⁽²⁸⁾; xây dựng mới một số trục đường chính có ý nghĩa chiến lược về phát triển kinh tế của tỉnh, theo quy hoạch được duyệt⁽²⁹⁾; tiếp tục nâng cao tỷ lệ cứng hóa đường giao thông nông thôn toàn tỉnh; tăng cường công tác duy tu, sửa chữa thường xuyên hệ thống cầu đường, đảm bảo giao thông thông suốt và an toàn trong mọi tình huống.

- Về hàng hải, tiếp tục khai thác có hiệu quả các cảng biển trên địa bàn tỉnh như: Tân Cảng Sa Đéc, Tân Cảng Cao Lãnh, Khu bến Vĩnh Xương – Thường Phước; tiếp tục đầu tư Khu bến Lấp Vò trên tuyến sông Hậu theo quy hoạch.

- Về đường thủy nội địa, tiếp tục khai thác có hiệu quả các cảng thủy nội địa trên địa bàn tỉnh; các bến thủy nội địa xếp dỡ hàng hóa, bến phà đường bộ, bến khách ngang sông; phối hợp với Bộ giao thông Vận tải và tỉnh An Giang thực hiện

²⁸ Như: hệ thống cầu trên tuyến ĐT.844 (đoạn thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông đến xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười), tuyến ĐT.855 (đoạn thị trấn Tràm Chim đến xã Hòa Bình, huyện Tam Nông), tuyến ĐT.849 (từ giao ĐT.848 đến giao Quốc lộ 80),...

²⁹ Gồm: tuyến ĐT.857 kết nối Quốc lộ 30 thuộc huyện Thanh Bình với tuyến ĐT.845 và Quốc lộ N2 thuộc huyện Tháp Mười; tuyến ĐT.845 (kết nối tuyến ĐT.844, huyện Tháp Mười với tuyến ĐT.855, huyện Tam Nông và ĐT.842 tại xã Tân Phước, huyện Tân Hồng; dự án Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền kết nối với đường Hồ Chí Minh (cao tốc Mỹ An - Cao Lãnh - Rạch Sỏi) khai thác hiệu quả cầu Cao Lãnh, tuyến nối cầu Cao Lãnh - cầu Vàm Cống và cầu Vàm Cống thuộc dự án Kết nối khu vực trung tâm đồng bằng Mêkông, kết nối thành phố Sa Đéc, thành phố Cao Lãnh, thành phố Long Xuyên (An Giang), thành phố Vĩnh Long (Vĩnh Long).

nao vết luồn đường thủy nội địa nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa hình thức vận tải, lưu thông hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

c) Hạ tầng thủy lợi

- Thí điểm “mô hình tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và Nước sạch nông thôn (bổ sung chức năng quản lý, khai thác công trình thủy lợi), trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 19/QĐ-UBND.HC ngày 10/01/2022 của UBND Tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025.

d) Hạ tầng điện

- Ban hành Kế hoạch an toàn điện trong thời gian tới, đảm bảo đa dạng hóa các sản phẩm về điện và các vấn đề an toàn về điện. Đẩy mạnh phát triển nguồn năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời), vừa đảm bảo môi trường vừa kết hợp phát triển nông nghiệp xanh, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

- Mở rộng hợp tác quốc tế để tăng cường công tác tìm kiếm, thăm dò nhằm nâng cao khả năng khai thác năng lượng tái tạo (NLTT), bảo đảm an ninh cung cấp nhiên liệu cho sản xuất điện. Thực hiện điều tra khảo sát tiềm năng một số nguồn NLTT.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, thực hiện Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng nói chung và điện năng nói riêng trong sản xuất kinh doanh và tiêu dùng trong các hộ gia đình.

- Từ nay tới năm 2030 tập trung áp dụng công nghệ cao cho năng lượng mặt trời trên địa bàn tỉnh.

e) Hạ tầng cung cấp nước sạch

- Cải tạo nâng cấp, xây dựng mới nhà máy nước, xây dựng các tuyến ống phân phối cấp nước sạch cho các đô thị. Nâng cấp các công trình cấp nước khu vực nông thôn hoạt động kém hiệu quả.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc thực hiện chỉ tiêu nước sạch nông thôn theo Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

f) Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN Tân Kiều, CCN Tân Lập sớm đi vào hoạt động. Hoàn thiện quy hoạch phát triển công nghiệp tiến đến thành lập mới ít nhất 01 khu công nghiệp với quy mô lớn, 01 cụm công nghiệp theo định hướng quy hoạch, phát triển đồng bộ, hiện đại.

- Khuyến khích, ưu tiên khu vực tư nhân đầu tư, phát triển hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Chủ động tạo quỹ đất sạch phục vụ công tác kêu gọi, thu hút đầu tư vào sản xuất công nghiệp.

- Đôn đốc, nhắc nhở các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường. Thường xuyên kiểm tra, tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

g) Hạ tầng thông tin và truyền thông

Phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo Khung Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Đồng Tháp (phiên bản 2.0), phát triển chính quyền số, đẩy mạnh cung cấp và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, hướng tới chính quyền hoạt động, vận hành, cung cấp dịch vụ số theo nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Triển khai Trung tâm điều hành thông minh, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử. Tập trung triển khai các dự án đầu tư hạ tầng để phát triển chính quyền số⁽³⁰⁾.

Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông, mở rộng, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, đặc biệt trong ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, tránh thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Tiếp tục phát triển hạ tầng viễn thông theo hướng hiện đại, đồng bộ, chuyển dịch sang hạ tầng số, tập trung mở rộng vùng phủ sóng mạng di động (4G, 5G), cáp quang FTTx; ngầm hóa, cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp ngoại vi viễn thông, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật. Xây dựng, triển khai Đề án tổng thể thực hiện ngầm hóa mạng cáp ngoại vi viễn thông, cáp điện lực trong đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030.

Phát triển hệ thống phát thanh, truyền thanh, truyền hình theo công số, đáp ứng nhu cầu thông tin tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của tỉnh và phù hợp xu thế phát triển công nghệ. Đầu tư mới 16 đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và thiết lập Cụm thông tin điện tử tại khu vực cửa khẩu quốc tế Thường Phước, triển khai Dự án xây dựng hệ thống thông tin nguồn.

h) Hạ tầng y tế

- Trước hết, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp, thực hiện tốt lộ trình đầu tư 03 trung tâm y tế cấp huyện từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế, xây dựng bệnh viện sản nhi Đồng Tháp, tăng cường năng lực y tế tuyến cơ sở. Tiếp tục khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển bệnh viện chất lượng cao trên địa bàn đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho người dân.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các giải pháp phát triển y tế đưa thành phố Cap Lãnh là trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe của Tỉnh và từng bước hướng tới là một trong những trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

i) Hạ tầng giáo dục, đào tạo

³⁰ Nâng cấp Hệ thống hạ tầng phục vụ chính quyền số và an toàn thông tin mạng tỉnh; xây dựng Hệ thống thông tin ngành Thông tin và Truyền thông; Công dịch vụ công và điều hành tác nghiệp nội bộ tỉnh Đồng Tháp; xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu mở tỉnh Đồng Tháp. Kết nối mạng WAN của tỉnh với mạng truyền số liệu chuyên dùng để tạo thành mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp 2; Nâng cấp hệ thống tường lửa trong các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh; Tái cấu trúc Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo công nghệ điện toán đám mây dùng riêng phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học các cấp phục vụ dạy và học đạt chuẩn quốc gia. Phối hợp hỗ trợ trường Đại học Đồng Tháp trở thành cơ sở đào tạo hàng đầu trong khu vực vào năm 2025; hoàn chỉnh và nâng cấp trường Cao đẳng Cộng đồng trở thành trường cao đẳng đa ngành, đa lĩnh vực; phấn đấu đưa các trường cao đẳng của Tỉnh từng bước đào tạo đạt chuẩn quốc tế. Tập trung đầu tư cơ sở vật chất các trung tâm giáo dục nghề nghiệp có trọng tâm trọng điểm, tránh dàn trải, xem xét cơ cấu lại các đơn vị đào tạo nghề ở cấp huyện.

- Tăng cường kêu gọi đầu tư trường phổ thông chất lượng cao trên địa bàn Đồng Tháp. Tháo gỡ khó khăn đối với các cơ sở giáo dục công lập không còn nhu cầu sử dụng khi thực hiện kêu gọi xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục được hưởng ưu đãi đầu tư về đất đai theo quy định của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP.

k) Hạ tầng khoa học và công nghệ

- Thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp khoa học công nghệ. Vận dụng các chính sách (tín dụng, hỗ trợ thẩm định, miễn giảm thuế theo luật định) cho các doanh nghiệp đầu tư, đổi mới các trang thiết bị theo công nghệ hiện đại.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng bộ phận R&D; tạo điều kiện để các doanh nghiệp tham gia vào các đề tài nghiên cứu cấp tỉnh; hình thành vườn ươm công nghệ, phát triển KCN công nghệ cao với sự tham gia của các doanh nghiệp.

l) Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 31/KH-UBND, ngày 27/01/2022 của UBND Tỉnh về Phát triển doanh nghiệp và thúc đẩy khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2021 - 2025. Phấn đấu giai đoạn 2021 - 2025 phát triển ít nhất 3.000 doanh nghiệp.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Triển khai thực hiện kịp thời, thực chất và đúng đối tượng thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp.

2.2.4. Giải pháp phát huy hiệu quả nguồn lực tài chính, tiền tệ

a) Về tín dụng

- Ngành ngân hàng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo đúng định hướng, chiến lược của ngành và chỉ đạo của NHNN Việt Nam, các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Ngành ngân hàng triển khai các giải pháp thu hút nguồn vốn huy động tại chỗ, tranh thủ nguồn vốn điều hòa từ Hội sở để đáp ứng nguồn vốn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, đảm bảo an toàn hoạt động.

- Thực hiện hiệu quả các giải pháp hỗ trợ khách hàng phục hồi sản xuất kinh doanh, cho vay hỗ trợ lãi suất theo Nghị quyết của Chính phủ. Tập trung nguồn vốn cho vay các lĩnh vực ưu tiên và các chương trình, đề án trọng điểm của địa

phương, triển khai các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng “*tín dụng xanh*”.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận vốn vay, góp phần hạn chế tình trạng “*tín dụng đen*” tại địa phương; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành ngân hàng trên địa bàn để đáp ứng kịp thời những thay đổi do tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Triển khai thực hiện tốt các giải pháp đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt tại địa phương, trong đó, tiếp tục đẩy mạnh thanh toán các dịch vụ công qua ngân hàng. Thực hiện từng bước chuyển đổi số trong hoạt động theo hướng dẫn của NHNN Việt Nam.

b) Giải pháp về tài chính

- Cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với quy định; tăng tỷ trọng thu nội địa. Rà soát tài sản công không còn nhu cầu sử dụng để quyết định thu hồi, lập phương án xử lý tài sản sau khi thu hồi theo quy định tạo nguồn tài chính bổ sung ngân sách nhà nước phục vụ cho mục tiêu đầu tư phát triển và các nhu cầu khác theo quy định; kiên quyết thu hồi các tài sản sử dụng sai đối tượng, sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; tổ chức xử lý tài sản đúng pháp luật, công khai, minh bạch, không để lãng phí, thất thoát tài sản công.

- Đổi mới quản lý chi ngân sách nhà nước phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tập trung chi đầu tư phát triển. Từng bước triển khai quản lý chi ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Tập trung huy động mọi nguồn lực tài chính của tư nhân để tập trung đầu tư một cách hiệu quả, hạn chế nguồn chi ngân sách nhà nước.

(Phụ lục bảng biểu số liệu - đính kèm 28 biểu)

Trên đây là báo cáo tình hình nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2021./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT (Tổng cục Thống kê);
- Bộ TC; Bộ TN&MT; Bộ LĐ-TB&XH;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- CT, các PCT/ UBND Tỉnh;
- Sở, ban, ngành Tỉnh;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- LĐVPUBND Tỉnh;
- CVNC/VPUBND Tỉnh;
- Lưu VT, THVX(Thư).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thiện Nghĩa